



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

LIÊN HỆ:



Số 70 - 72, đường Đề Thám,
phường 2, thành phố Cà Mau,
tỉnh Cà Mau



(0290) 3 822 772



info@tncm.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



MỤC LỤC

- 01** Thông tin chung
- 02** Tình hình hoạt động trong năm
- 03** Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
- 04** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty
- 05** Quản trị công ty
- 06** Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022



Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Vui lòng tải hoặc xem
Báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại:
Link: www.tncm.com.vn

Hoặc quét mã QR dưới đây



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị,
tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định lý phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
Tên viết tắt:	CAMEX
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	số 2000110221 (số cũ 56103000105) do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 01/12/2007, đăng ký thay đổi lần 18 ngày 31/03/2021
Vốn điều lệ:	181.558.680.000 VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	181.558.680.000 VNĐ
Địa chỉ:	Số 70 -72 Đường Đề Thám, Phường 2, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Số điện thoại:	((0290) 3 822 772 - 3 839 220
Số fax:	(0290) 3 834 358
Website:	www.tncm.com.vn
Mã cổ phiếu:	CMV
Logo:	



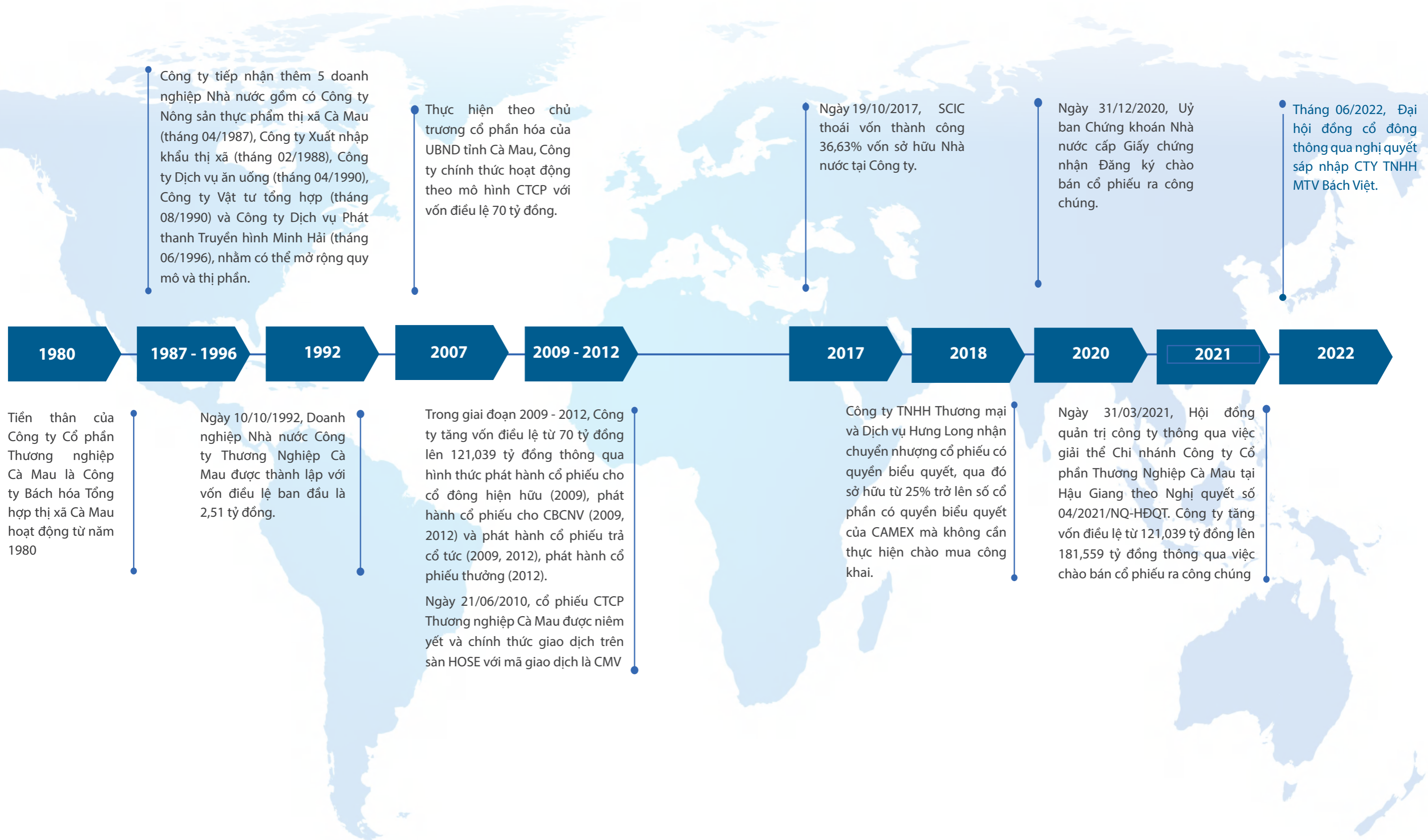
Vốn điều lệ (VNĐ)

181.558.680.000





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1980

Tiền thân của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau hoạt động từ năm 1980

1987 - 1996

Công ty tiếp nhận thêm 5 doanh nghiệp Nhà nước gồm có Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (tháng 04/1987), Công ty Xuất nhập khẩu thị xã (tháng 02/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (tháng 04/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (tháng 08/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (tháng 06/1996), nhằm có thể mở rộng quy mô và thị phần.

Ngày 10/10/1992, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 2,51 tỷ đồng.

1992

2007

Thực hiện theo chủ trương cổ phần hóa của UBND tỉnh Cà Mau, Công ty chính thức hoạt động theo mô hình CTCP với vốn điều lệ 70 tỷ đồng.

Trong giai đoạn 2009 - 2012, Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 121,039 tỷ đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (2009), phát hành cổ phiếu cho CBCNV (2009, 2012) và phát hành cổ phiếu trả cổ tức (2009, 2012), phát hành cổ phiếu thưởng (2012).

Ngày 21/06/2010, cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được niêm yết và chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã giao dịch là CMV

2009 - 2012

2017

Ngày 19/10/2017, SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty.

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hưng Long nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết, qua đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của CAMEX mà không cần thực hiện chào mua công khai.

2018

2020

Ngày 31/12/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng.

Ngày 31/03/2021, Hội đồng quản trị công ty thông qua việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang theo Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐQT. Công ty tăng vốn điều lệ từ 121,039 tỷ đồng lên 181,559 tỷ đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu ra công chúng

2021

2022

Tháng 06/2022, Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết sáp nhập CTY TNHH MTV Bách Việt.



THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

Nhận được Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.

Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.

2005 – 2010

Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.

Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).

Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).

Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).

Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.

Ngày 27/01/2014, Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau giấy khen vì đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.

2010 – 2015

Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.

Bằng khen Số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội thành phố Cà Mau (1999 – 2014).

Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 Của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).

Quyết định số 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của BHXH Việt Nam về thành tích “Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014”.

Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014”

2015 – 2020

Công ty được xếp hạng năm trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.

Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.

Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.

Quyết định của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc Vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2009 – 2019.

2021

Công ty xếp hạng 294 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2021 và xếp hạng 156 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.

2022

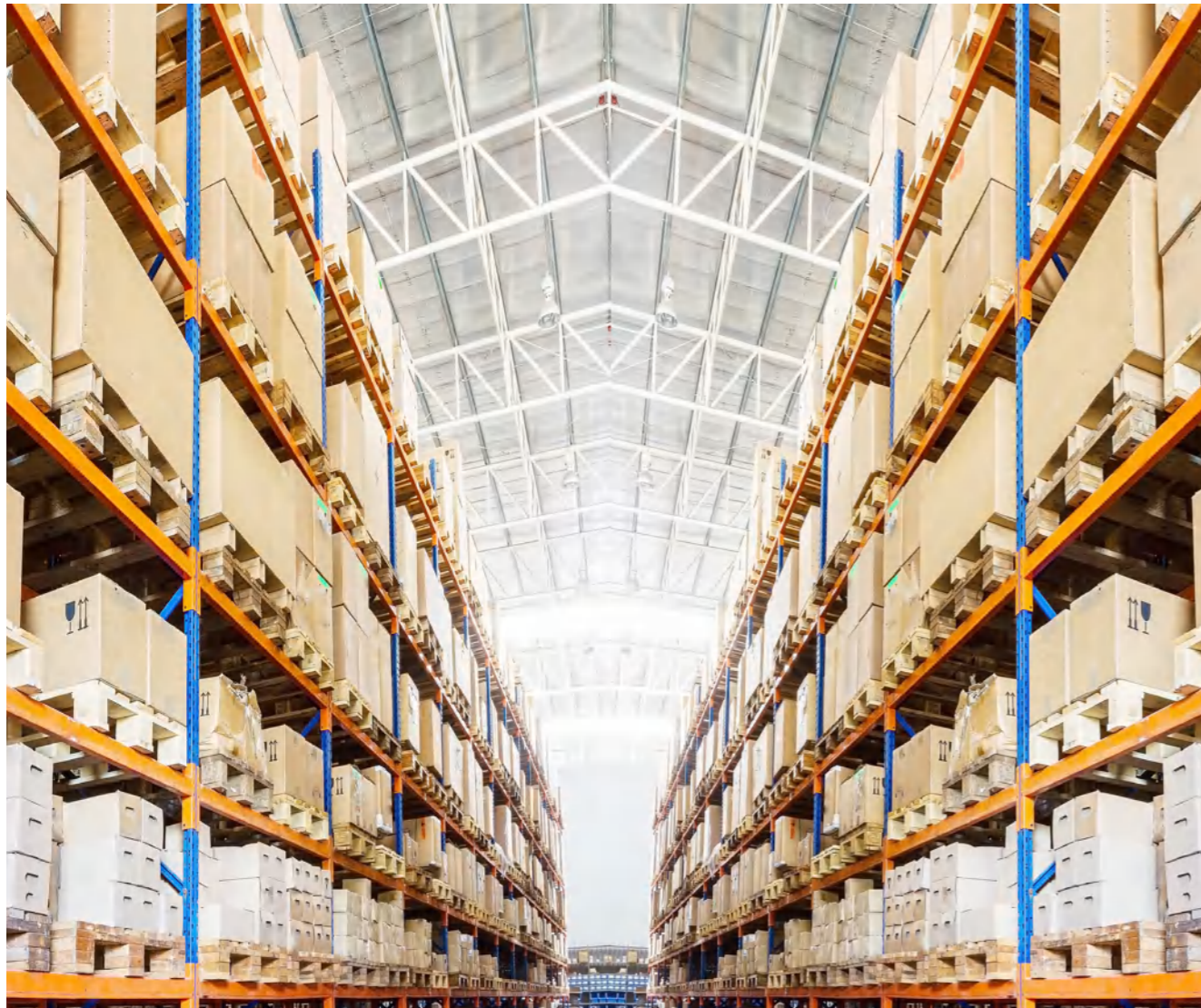
Công ty xếp hạng 326 trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2022 và xếp hạng 192 trong TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam 2021 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo VietnamNet phát hành.



Ngành nghề kinh doanh

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hoạt động kinh doanh chính của công ty bao gồm:

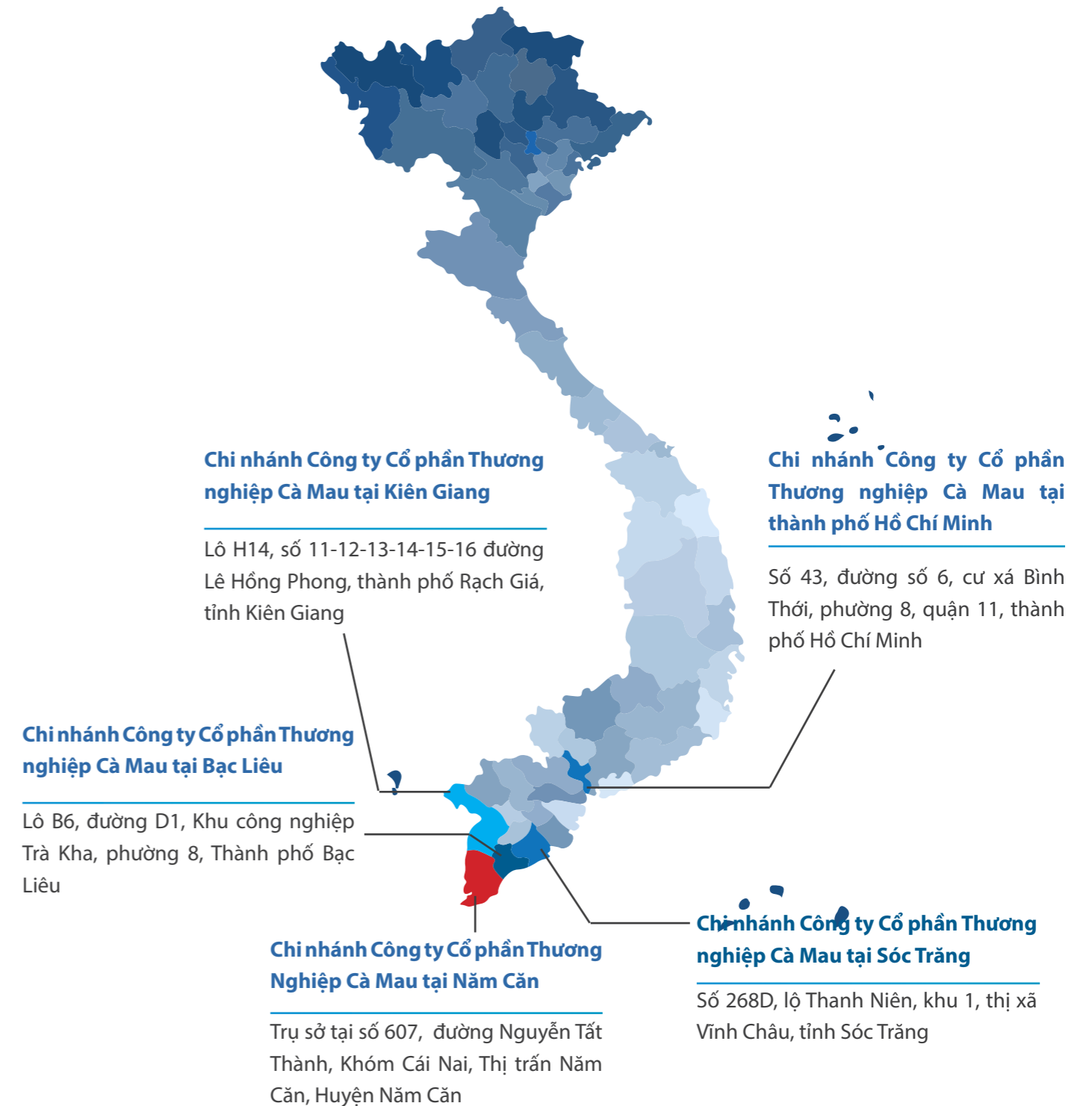
- ✓ Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- ✓ Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- ✓ Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- ✓ Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- ✓ Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: Cho thuê kho bãi, lưu giữ hàng hóa; dịch vụ kho ngoại quan.



Địa bàn kinh doanh

Địa bàn tỉnh Cà Mau là thị trường hoạt động chính của Công ty, đặc biệt là tập trung vào địa phận trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh là thành phố Cà Mau. Đồng thời, Công ty cũng đã mở rộng thị trường sang các tỉnh lân cận trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long.

Hiện nay doanh nghiệp đã có 5 chi nhánh chính hoạt động trải đều khắp các huyện, thành phố tại tỉnh Cà Mau, Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng:





THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những phòng ban liên quan.

Đại hội đồng cổ đông

Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp Việt Nam và Điều lệ tổ chức hoạt động của CMV

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty

Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc quyết định các công việc khi được Đại hội đồng Cổ đông giao và/hoặc ủy quyền.

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban Tổng giám đốc

Là Ban có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, Điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Công ty con, Công ty liên kết

Công ty con

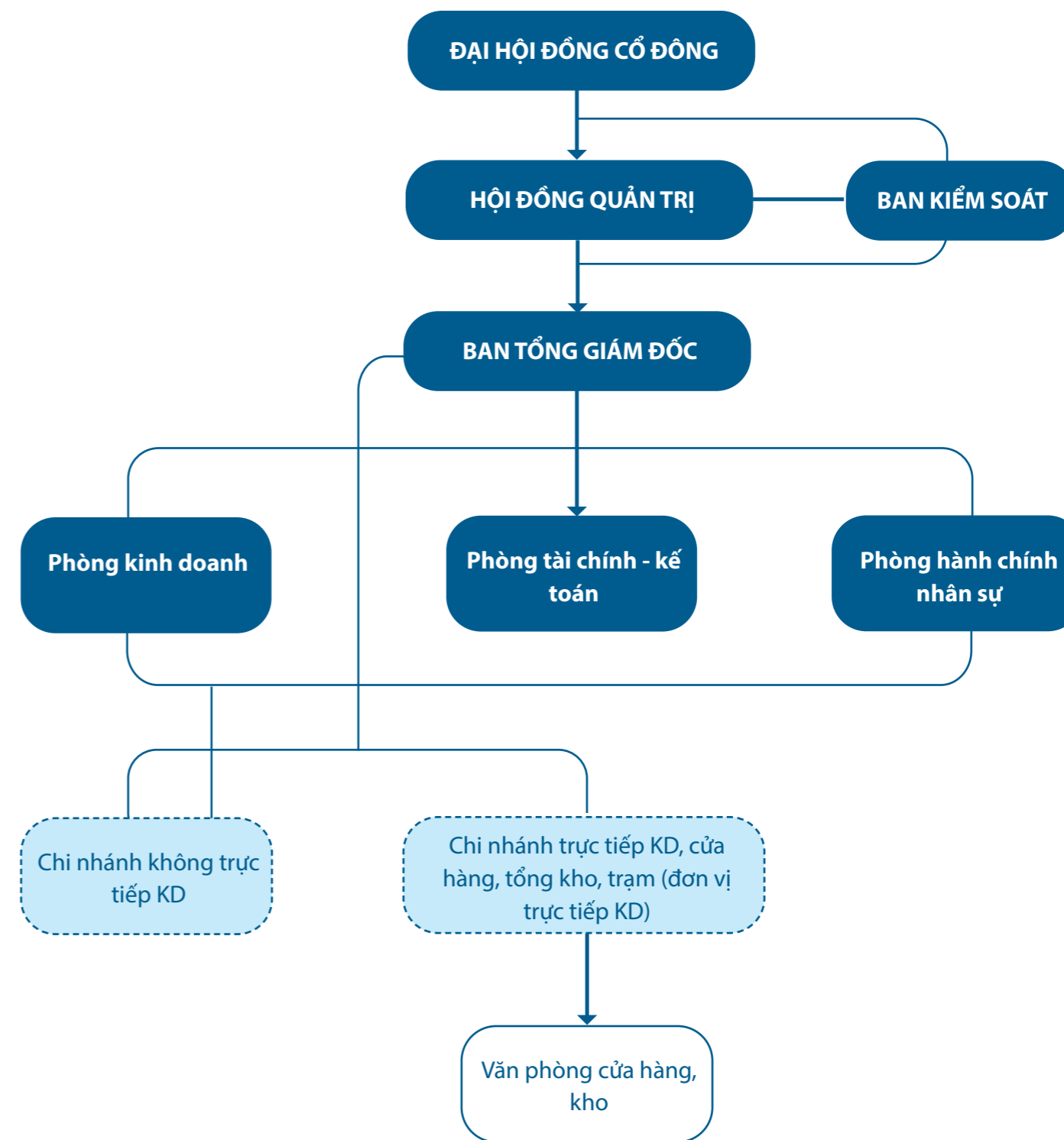
STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	VĐL thực góp	Tỷ lệ sở hữu của Công ty
1	Công ty CP In Bạc Liêu	15 Hoàng Văn Thụ, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Hoạt động trong lĩnh vực in ấn	5,86 tỷ đồng	55%

Tháng 6/2022, Công ty TNHH MTV Bách Việt đã sát nhập vào Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Công ty liên doanh, liên kết: Không có

Mô hình quản trị

Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau là Công ty cổ phần tổ chức mô hình quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, gồm các bộ phận: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Công ty tập trung xây dựng và duy trì mục tiêu phát triển ổn định và bền vững, cùng với việc nâng cao thương hiệu và vị thế trên thị trường. Trong giai đoạn từ năm 2020 đến 2025, Công ty đặt ra những mục tiêu quan trọng như mở rộng mạng lưới cửa hàng bán lẻ, tăng cường độ phủ và thị phần buôn bán hàng hóa, và duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm trong khoảng từ 5% đến 12%.

Đồng thời, Công ty cam kết luôn đảm bảo lợi nhuận tối đa cho cổ đông và các nhà đầu tư, đồng thời tạo điều kiện để nâng cao chất lượng đời sống của nhân viên.

Ngoài ra, Công ty cũng tăng cường quản trị nội bộ, tăng tính minh bạch và hiệu quả trong tất cả các hoạt động kinh doanh.

Chiến lược phát triển ngắn hạn

Trong kế hoạch ngắn hạn, Công ty vẫn tập trung phát triển tại thị trường Cà Mau.

Trong lĩnh vực xăng dầu: Công ty tiếp tục mục tiêu giữ vững thị phần bán buôn, đồng thời mở rộng mạng lưới bán lẻ bằng cách tăng số lượng cửa hàng và đại lý bán lẻ. CAMEX cũng đang tăng cường phát triển hệ thống đại lý bán lẻ tại các vùng sâu, vùng xa để khai thác tiềm năng của các thị trường này. Mục tiêu của Công ty là xây dựng và mở rộng thêm 1-2 cây xăng mới hàng năm tại các vị trí đặc địa để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của tỉnh.

Trong lĩnh vực kinh doanh bách hóa: Với mục tiêu khai thác tối đa tiềm năng tại các địa bàn lân cận, công ty tiếp tục chủ trương mở rộng hệ thống kinh doanh sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng. Đồng thời, Công ty nỗ lực để có thể trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng tại khu vực các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng. Hơn nữa, ban lãnh đạo công ty luôn đề cao chất lượng phục vụ, chất lượng sản phẩm và dịch vụ nhằm đáp ứng tiêu chuẩn ngày càng gia tăng của người tiêu dùng, từ đó không ngừng phát triển và nâng cao uy tín của CAMEX trên thị trường.

Chiến lược phát triển dài hạn

Hoạt động kinh doanh đa ngành nghề, CAMEX tận dụng lợi thế này như một chiến lược nhằm gia tăng lợi nhuận thu được từ nhiều lĩnh vực như: Kinh doanh hàng bách hoá, Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas,... Đồng thời, Công ty xây dựng chiến lược phát triển dài hạn trong việc mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu, phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn của tỉnh và các vùng lân cận, từ đó nâng cao uy tín và thị phần của Công ty trên thị trường Tây Nam Bộ.



Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

Mục tiêu đối với môi trường: Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo tạo cơ bản về quản lý môi trường cho cán bộ, công nhân viên và đồng thời thực hiện việc ban hành các chính sách hỗ trợ để nâng cao khả năng kiểm soát ô nhiễm và bảo vệ môi trường. Công ty cũng không ngừng hoàn thiện, sửa đổi và bổ sung những quy định, chế tài về bảo vệ môi trường và quyết liệt xử lý những hành vi thiếu trách nhiệm đối với môi trường.

Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng: Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú trọng vào hoạt động đoàn thể và công tác xã hội, nhằm củng cố niềm tin của khách hàng, tạo sự gắn kết trong nội bộ và thu hút lao động có năng lực cao. CAMEX luôn coi trọng trách nhiệm xã hội và cộng đồng là mục tiêu phát triển bền vững mà Công ty luôn hướng đến.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Năm 2022, kinh tế Việt Nam đã có sự phục hồi, tăng trưởng tương đối thành công so với các nước trong khu vực, đặc biệt là khu vực châu Á. Tuy nhiên, cũng như kinh tế thế giới, Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều biến động khó lường. Đơn cử như xung đột Nga-Ukraine dẫn đến nhiều hệ lụy chi phối nền kinh tế trên toàn thế giới; Việc đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu hay sự tăng vọt của giá cả hàng hóa đầu vào; lạm phát cao tại Hoa Kỳ và các quốc gia EU khiến các nước trên thế giới phải thắt chặt tài chính,

Tuy nhiên, bất chấp thách thức, nền kinh tế Việt Nam đang có sự phục hồi rõ rệt sau ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19. Theo báo cáo của Tổng Cục thống kê Việt Nam, tăng trưởng GDP đạt 8,02%, là mức cao nhất trong giai đoạn 2011 – 2022. Khu vực dịch vụ phục hồi và tăng trưởng rõ rệt, đóng góp nhiều vào tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Trong đó ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,15% so với năm trước. Tính chung cả năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 19,8% so với năm 2021, thể hiện nhu cầu tăng lại trên thị trường. Giá xăng dầu trong nước tăng theo giá nhiên liệu thế giới, ảnh hưởng đáng kể đến chi phí hoạt động kinh doanh của hầu hết doanh nghiệp cũng như người tiêu dùng. Mặc dù vậy, nền kinh tế 2022 phục hồi thúc đẩy đầu ra tiêu thụ nhiên liệu cho các doanh nghiệp xăng dầu và gia tăng sức mua tiêu dùng cho cả nền kinh tế.

Dựa trên ảnh hưởng của sự bất ổn kinh tế toàn cầu, dự kiến kinh tế Việt Nam sẽ có tốc độ tăng trưởng chậm lại trong năm 2023. Do đó, hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp sẽ ít nhiều bị tác động. Ban Lãnh đạo Công ty luôn chú ý theo dõi tình hình và tận dụng cơ hội, đồng thời lên kế hoạch kinh doanh phù hợp để đạt được kết quả tốt trong năm tới.



Rủi ro pháp luật

Trong quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, pháp luật luôn đóng vai trò quan trọng và có sức chi phối. CAMEX là một công ty hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần và được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy Camex chịu sự giám sát và sự quản lý bởi hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, và các văn bản khác có liên quan.

Trong bối cảnh Chính phủ đang tăng cường hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học hơn, việc tuân thủ pháp luật và cập nhật thông tin mới là điều cần thiết để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả và tránh vi phạm pháp luật. Vì vậy, CAMEX luôn linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để phù hợp với quy định pháp luật và tránh ảnh hưởng đến tài chính và uy tín của doanh nghiệp. Điều này vừa là cơ hội, vừa là thách thức cho CAMEX.



Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, Việt Nam đã tham gia vào Hai Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP) và Hiệp định Thương mại Tự do với EU (EVFTA), hai hiệp định có cam kết mạnh trong việc mở cửa thị trường bán lẻ và xóa bỏ các rào cản thuế quan và phi thuế quan đối với hàng hóa, mở ra nhiều cơ hội cho ngành bán lẻ Việt Nam. Tuy nhiên, các doanh nghiệp bán lẻ đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Việt Nam được xem là một trong những thị trường bán lẻ năng động và hấp dẫn nhất trong khu vực Châu Á và trên thế giới, với sự tham gia ngày càng nhiều của các nhà bán lẻ lớn toàn cầu và sự có mặt và liên tục mở rộng quy mô của các nhà bán lẻ trong nước như Saigon Co.op, Siêu thị Điện máy Chợ Lớn, Điện máy Xanh... đang ngày càng tạo sức ép cạnh tranh đối với các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có quy mô chưa lớn.

Trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, khi diễn biến giá tăng cao, các doanh nghiệp quy mô nhỏ sẽ chịu sức ép so với các đơn vị quy mô lớn có khả năng giữ nguồn cung ổn định hơn; chẳng hạn các đơn vị uy tín trên thị trường như Petrolimex, Petrovietnam,.. Hơn nữa, nếu không biết cách kiểm soát chi phí đầu vào hiệu quả cũng sẽ làm giảm đáng kể lợi nhuận của doanh nghiệp.

Vì vậy, để vượt qua tình trạng này, Công ty đưa ra những hành động cụ thể như mở rộng chi nhánh, cửa hàng bách hóa và xăng dầu đến các khu vực tiềm năng, phát triển dịch vụ giao nhận sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng ở vùng sâu vùng xa nhằm mang đến cho người tiêu dùng hình ảnh gần gũi hơn với Công ty, xây dựng và duy trì một hệ thống khách hàng truyền thống bền vững, uy tín, đảm bảo cho Công ty có được hệ thống phân phối tốt, doanh thu ổn định.



CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)



Rủi ro kinh doanh xăng dầu

Các ngành nghề nhạy cảm với sự biến động của tình hình chính trị kinh tế thế giới sẽ gặp nhiều khó khăn trong giai đoạn này, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh năng lượng. Giá xăng dầu thế giới năm 2022 có biến động mạnh khi diễn ra xung đột chính trị căng thẳng giữa hai quốc gia Nga và Ukraine. Theo đó lệnh cấm vận dầu của Nga làm đứt gãy chuỗi cung ứng trên toàn cầu khiến nguồn cung thiếu hụt và giá cả tăng cao. Điều này tác động lớn đến các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam khi phần lớn nguồn cung đầu vào đến từ việc nhập khẩu. Cụ thể, trong năm 2022, thị trường xăng dầu trong nước có nhiều biến động. Giá xăng đã tăng 16 lần, giảm 16 lần, giữ nguyên một lần. Giá xăng lập đỉnh 32.870 đồng/lít vào ngày 21/06/2022.

Hơn nữa, trong thời điểm khan hiếm nguồn cung, các trạm xăng dầu của doanh nghiệp vẫn hoạt động để phục vụ nhu cầu của người dân khiến doanh nghiệp phát sinh các chi phí quản lý. Tuy nhiên doanh nghiệp lại không được chiết khấu giá mua xăng dầu (mức chiết khấu 0 đồng) khiến hoạt động kinh doanh lĩnh vực này gặp nhiều bất lợi. Trong điều kiện như vậy, đòi hỏi doanh nghiệp quản lý tốt nguồn cung và kiểm soát chi phí đầu vào nhằm tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro lãi suất

Ngành bán lẻ với đặc điểm vòng quay hàng tồn kho cao, yêu cầu lượng vốn lưu động phải được duy trì liên tục để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của khách hàng. Điều này dẫn đến trong cơ cấu nợ của Công ty, các khoản vay ngắn hạn thường chiếm tỷ trọng cao nhằm phục vụ cho việc tài trợ mua và dự trữ hàng tồn kho. Chính vì vậy, trong giai đoạn ngân hàng nhà nước điều chỉnh tăng mức lãi suất để kiềm chế lạm phát như hiện nay, nếu không quản trị tốt, chi phí tài chính sẽ gây rủi ro đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Rủi ro bán lẻ

Lĩnh vực kinh doanh bán lẻ bị chi phối mạnh mẽ bởi tính thời vụ của thị trường, do đó vấn đề quản lý hàng tồn kho hiệu quả là một trong những mục tiêu quan trọng của doanh nghiệp, làm sao luôn có đủ nguồn cung đáp ứng ra thị trường đồng thời hạn chế tối thiểu chi phí quản lý. Đặc biệt khi các sản phẩm công ty phân phối chủ yếu là các mặt hàng thực phẩm bách hóa, điện tử, công nghệ, gia dụng, là các sản phẩm liên tục được cải tiến trên thị trường đòi hỏi các chính sách quản lý và lưu kho phải thực sự hiệu quả.

Tình hình lạm phát cao và lãi suất tăng như hiện nay sẽ gây sức ép lên sức mua và khiến người tiêu dùng thận trọng hơn trong việc chi tiêu của mình. Đây cũng là một bất lợi cho các doanh nghiệp bán lẻ trong thời điểm hiện tại.

Rủi ro khác

Bên cạnh những rủi ro đã đề cập ở trên, những rủi ro bất khả kháng có thể xảy ra gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp như: thiên tai, lũ lụt, cháy nổ, động đất, ... và các rủi ro dịch bệnh như đại dịch Covid toàn cầu. Công ty luôn chủ động để phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó kịp thời, đồng thời nâng cao ý thức, trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ công nhân viên chức để giảm thiểu đối tượng thiệt hại về người lẫn của.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty





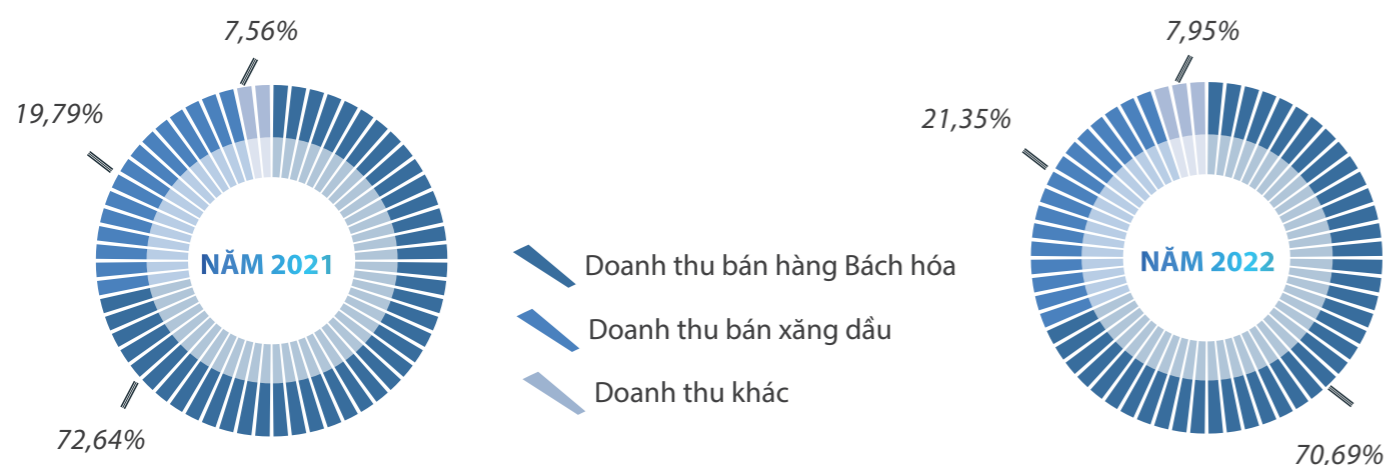
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2021		Năm 2022		%2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán hàng Bách hóa	2.805.241	72,64%	3.198.507	70,69%	114,02%
Doanh thu bán xăng dầu	764.306	19,79%	966.147	21,35%	126,41%
Doanh thu khác	292.075	7,56%	359.842	7,95%	123,20%
Tổng cộng	3.861.622	100%	4.524.496	100%	117,17%



Năm 2022, Công ty ghi nhận mức doanh thu tăng trưởng 17,17% tương đương 662.874 triệu đồng, vượt 22,28% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, doanh thu bán hàng bách hóa vẫn chiếm tỷ trọng lớn, tương đương 70,69% tổng doanh thu, đồng thời ghi nhận mức tăng 14,02% so với năm trước; doanh thu xăng dầu chiếm 21,36%, tăng trưởng 26,41%; doanh thu khác chiếm 7,95% tăng trưởng 23,20%. Nhìn chung cơ cấu doanh thu không có gì biến động nhiều so với năm trước.

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Kết quả hoạt động kinh doanh

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2021	KH 2022	TH 2022	%TH2022/TH2021	TH2022/KH2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.861.622	3.700.000	4.524.496	117,17%	122,28%
2	Giá vốn hàng bán	3.709.654	-	4.364.852	117,66%	-
3	Lợi nhuận từ HĐKD	12.703	-	1.820	14,33%	-
4	Lợi nhuận khác	23.130	-	29.659	128,23%	-
5	Lợi nhuận trước thuế	35.833	29.400	31.479	87,85%	107,07%
6	Lợi nhuận sau thuế	28.537	23.500	23.975	84,01%	102,02%

Tình hình kinh doanh đối với từng lĩnh vực:

Đối với hoạt động bán lẻ bách hóa:

Sau giai đoạn đại dịch Covid-19, nhu cầu tiêu dùng của người dân đã dần phục hồi và tăng trở lại, đặc biệt là trong lĩnh vực sản phẩm tiêu dùng bách hóa. Nhận thấy xu hướng này, Công ty đã chủ động áp dụng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng và cung cấp nhiều loại sản phẩm hơn ra thị trường. Cùng với nỗ lực nâng cao kỹ năng bán hàng cũng như chất lượng sản phẩm, doanh thu bán hàng bách hóa của Công ty đạt 3.198.507 triệu đồng, tăng trưởng 14,02%. Điều này thể hiện sự thành công trong chiến lược đa dạng hóa sản phẩm của Công ty.

Đối với lĩnh vực bán lẻ xăng dầu:

Năm 2022, giá xăng dầu trong nước tăng cao từ sự bất ổn chính trị - kinh tế trên toàn cầu. Doanh thu bán lẻ xăng dầu trong năm đạt 966.147 triệu đồng, tương đương tăng trưởng 26,41% so với năm 2021. Tuy nhiên do ảnh hưởng từ sự biến động mạnh trong nguồn cung xăng dầu trên toàn thế giới, giá vốn hàng bán xăng dầu ghi nhận mức tăng đáng kể khi tăng 655.198 triệu đồng tương đương 117,66%, khiến cho lợi nhuận gộp đến từ lĩnh vực này chỉ còn bằng 60,87% so với năm 2021.

Trong tình trạng tăng giá chung toàn cầu, các chi phí phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp theo đó cũng tăng cao, khiến lợi nhuận giảm đi. Chi phí giá vốn hàng bán tăng 17,66%, chi phí bán hàng tăng 12,55%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước khiến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp giảm đáng kể. Lợi nhuận trước và sau thuế giảm lần lượt 12,15% và 15,99%. Mặc dù vậy, so với kế hoạch mà Công ty đã đặt ra trước đó, mức lợi nhuận trước thuế vượt 7,07% và lợi nhuận sau thuế vượt 2,02%. Điều này thể hiện nỗ lực của Ban Điều hành Công ty trong việc thực hiện được các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đặt ra trước đó.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	647.419	3,57%
2	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc	100.000	0,55%
3	Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	30.456	0,17%
4	Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc	-	-
5	Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	-	-

Lý lịch Ban điều hành

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh - Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 01/12/1956
Nơi sinh: Cà Mau
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Khoa Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

06/1975 - 08/1978 : Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê - Kế hoạch thị xã Cà Mau
08/1978 - 11/1982 : Kế toán trưởng cửa hàng Bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau
11/1982 - 2007 : Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là công ty cổ phần thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó TGD, TGD Công ty)
28/11/2007 - 05/5/2018 : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm TGD CTCP Thương nghiệp Cà Mau
05/05/2018 - hiện nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần In Bạc Liêu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: 647.419 CP, chiếm 3,57% VDL.
- Đại diện sở hữu: Không

Ông Phù Chí Anh - Phó tổng Giám đốc

Năm sinh: 23/08/1974
Nơi sinh: Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

10/1998 - 02/1999 : Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/1998 - 12/2001 : Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
01/2002 - 01/2007 : Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau
02/2007 - 11/2007 : Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
12/2007 - 12/2012 : Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
02/01/2013 - hiện nay : Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau
07/09/2016 - 31/10/2022 : Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau
20/06/2020 - hiện nay : TV HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần In Bạc Liêu

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: 100.000 CP, chiếm 0,55% VDL.
- Đại diện sở hữu: Không





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (Tiếp theo)

Bà **Trần Thị Trúc Linh** - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 22/03/1977
Nơi sinh: Cà Mau
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Ngoại thương

Quá trình công tác:

05/2000 đến 09/2003 : Kế toán Phòng Kinh tế kỹ thuật Công ty Thương Nghiệp Cà Mau
 10/2003 đến 07/2004 : Cửa hàng Phó Cửa hàng May Mặc sẵn (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
 08/ 2004 đến 05/2005 : Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Bến Tàu A (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
 06/2005 đến 11/ 2007 : Cửa hàng Phó Cửa hàng Bách Hóa Tự Chọn Phường 2 (Công ty Thương Nghiệp Cà Mau)
 12/2007 đến 10/ 2009 : Kế toán phong Tài chính &IT CTCP Thương nghiệp Cà Mau
 03/2010 đến 10/2012 Phó Giám Đốc Cty TNHH MTV Bách Việt (Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2010 – 2012)
 11/2012 đến 03/2015 : Trưởng Phòng Kinh doanh CTCP Thương Nghiệp Cà Mau. Phó Chủ tịch Công đoàn NK 2012 – 2017
 04/2015 đến 08/2019 : Giám Đốc Cty TNHH MTV Bách Việt (UVBCH Đảng ủy NK 2015 – 2020), (Phó Chủ tịch công đoàn NK 2017 – 2022)
 30/08/2019 - 28/12/2021 : Trưởng phòng kinh doanh - kiêm giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
 29/12/2021 - nay : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân : 30.456 CP, chiếm 0,17% VDL

Bà **Nguyễn Hoàng Hà My** - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 12/07/1996
Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học QTKD - Tài chính

Quá trình công tác:

17/06/2022 đến nay Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó Giám Đốc - Công ty TNHH TM và DV Long Hưng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: Không.

- Đại diện sở hữu: Không

Bà **Nguyễn Thúy Ái** - Kế toán trưởng

Năm sinh: 27/05/1988
Nơi sinh: Cà Mau
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

22/08/2011 - 30/06/2022 : Kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

01/07/2022 - 30/10/2022 : Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

01/11/2022 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: Không.

- Đại diện sở hữu: Không

Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2022

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng giám đốc		24/03/2022
2	Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng giám đốc	29/12/2021	
3	Nguyễn Hoàng Hà My	Phó Tổng Giám đốc	17/06/2022	
4	Phù Chí Anh	Kế toán trưởng		21/10/2022
5	Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	01/11/2022	



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

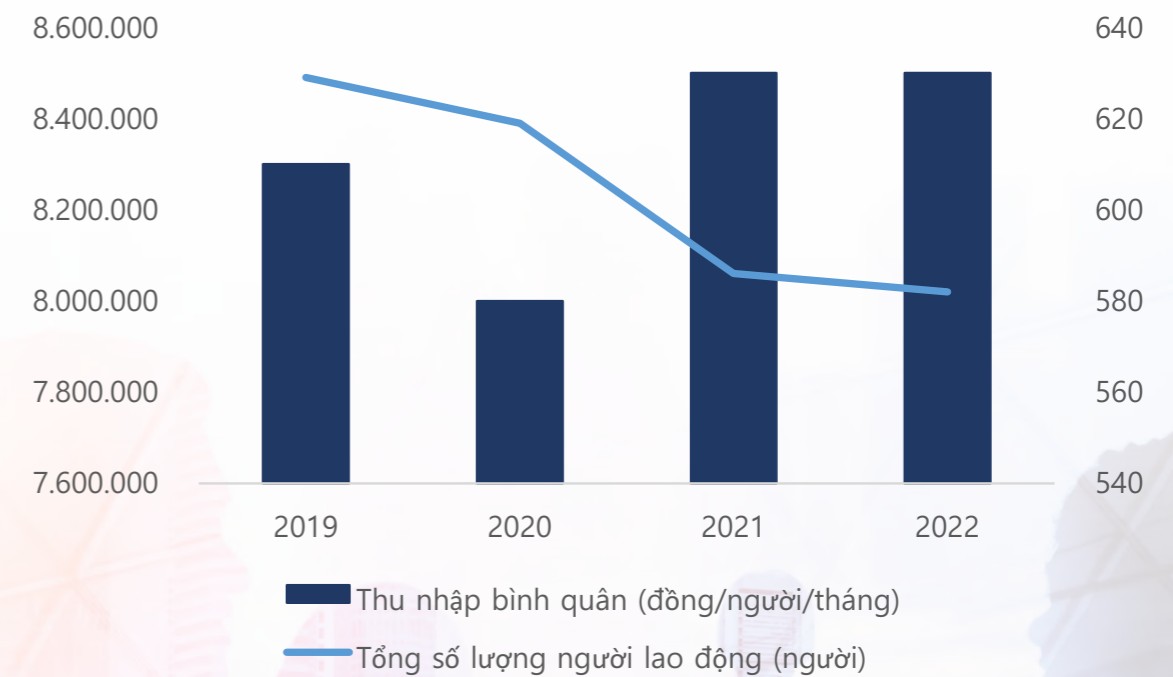
Số lượng cán bộ, nhân viên

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	582	100,00%
1	Đại học	96	16,49%
2	Cao đẳng	35	6,01%
3	Trung cấp	71	12,20%
4	Công nhân kỹ thuật	380	65,29%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	582	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn (từ 1 - 3 năm)	137	23,54%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	359	61,68%
3	Hợp đồng theo thời vụ	86	14,78%
C	Theo giới tính	582	100,00%
1	Nam	448	76,98%
2	Nữ	134	23,02%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động (người)	629	619	586	582
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	8.000.000	8.000.000	8.500.000	8.500.000





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)



“Chính sách nhân sự”



Về đào tạo

Đối với doanh nghiệp thương mại, một trong những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh là khả năng và trình độ của đội ngũ nhân viên bán hàng. Nhằm được điều đó, công ty luôn chú trọng trong việc đào tạo các nghiệp vụ tư vấn, tiếp thị, marketing cho đội ngũ nhân sự. Các lớp, các chương trình tập huấn được tổ chức thường xuyên, định kỳ đảm bảo cho tất mọi người đều được tham gia. Ngoài ra, để hỗ trợ phòng ngừa các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty định kỳ tập huấn các nghiệp vụ như Bảo vệ môi trường, ATVS thực phẩm, nghiệp vụ PCCC....cho đội ngũ nhân viên.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty cam kết thực hiện các chính sách về lương thưởng và phúc lợi một cách minh bạch và đầy đủ, tuân thủ quy định của pháp luật và điều kiện trong hợp đồng lao động. Ngoài việc bảo đảm các nghĩa vụ bảo hiểm xã hội, sức khỏe và thất nghiệp cho nhân viên, công ty còn áp dụng chính sách phúc lợi, khen thưởng và nghỉ lễ, để tạo động lực cho đội ngũ người lao động. Trong năm vừa qua, công ty đã tổ chức chuyến du lịch đến Phú Quốc cho 288 nhân viên và du lịch Thái Lan cho 10 nhân viên. Điều này chính là sự quan tâm của Ban lãnh đạo để mỗi năm có thể tổ chức các chuyến du lịch nhằm tri ân và cảm ơn toàn bộ cán bộ nhân viên. Ngoài ra, các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc cũng như các vấn đề liên quan đến đời sống tinh thần của nhân viên được giải quyết kịp thời bởi ban lãnh đạo các cấp, để đảm bảo nhân viên có môi trường làm việc tốt nhất và tập trung cống hiến cho công ty.



Môi trường làm việc

Ngoài kinh nghiệm và kỹ năng, môi trường làm việc được đánh giá là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng làm việc của nhân viên. Chính vì vậy, công ty rất quan tâm đến việc xây dựng văn hoá, môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện; một môi trường mà nhân viên cảm thấy được sáng tạo và có động lực hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Mỗi nhân viên CAMEX đến với công việc với ý thức “**Văn minh, văn hoá thương nghiệp**”, không chỉ xây dựng môi trường tập thể đoàn kết, cùng nhau phát triển mà hơn hết còn tạo dựng được thái độ, cách ứng xử văn minh, tử tế, xây dựng lòng tin vững chắc đối với khách hàng.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Công ty con

Công ty Cổ phần In Bạc Liêu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%2022/2021
1	Tổng tài sản	25.893	21.803	84,20%
2	Doanh thu thuần	25.893	40.644	156,97%
3	Giá vốn hàng bán	19.543	34.400	176,02%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	376	367	97,61%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	4.009	5.008	124,92%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.717	1.605	59,07%
7	Lợi nhuận khác	(97)	(6)	6,19%
8	Lợi nhuận trước thuế	2.620	1.599	61,03%
9	Lợi nhuận sau thuế	2.090	1.240	59,33%



Công ty TNHH MTV Bách Việt

Tháng 6/2022, Công ty TNHH MTV Bách Việt đã sát nhập vào Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	2022/2021
1	Tổng giá trị tài sản	472.853	488.643	103,34%
2	Doanh thu thuần	3.861.507	4.524.482	117,17%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12.703	1.820	14,33%
4	Lợi nhuận khác	23.129	29.659	128,23%
5	Lợi nhuận trước thuế	35.833	31.479	87,85%
6	Lợi nhuận sau thuế	28.536	23.976	84,02%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12,00%	12,00%	100,00%

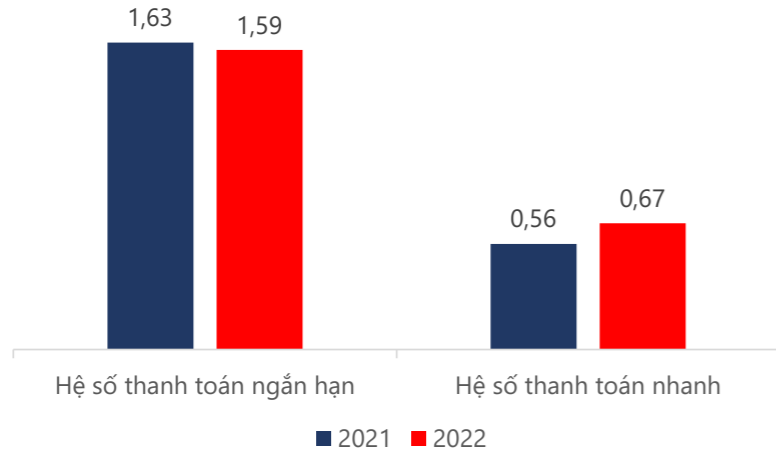
Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,63	1,59
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,67
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46,88	48,74
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	88,27	95,09
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,64	19,14
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	7,16	9,41
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,74	0,53
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,71	9,56
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	5,29	4,99
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,33	0,04



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

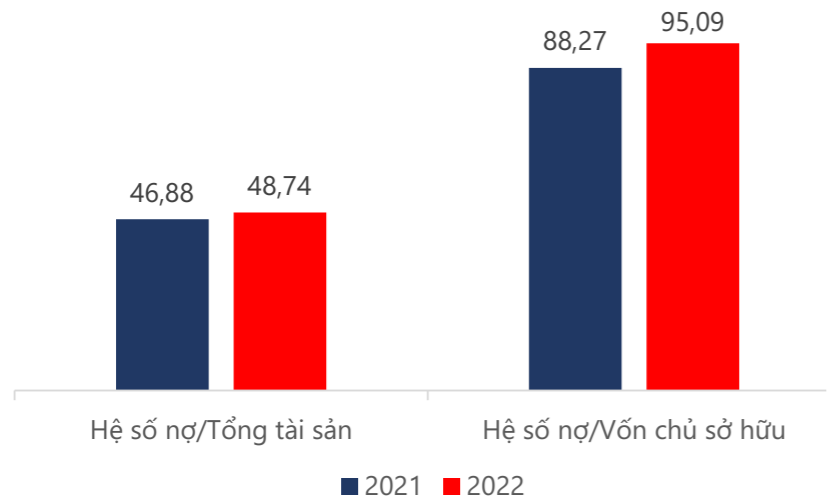


Nhìn chung, khả năng thanh toán của Công ty không thay đổi nhiều. Tuy hệ số thanh toán ngắn hạn giảm nhưng vẫn lớn hơn 1, cho thấy Công ty vẫn có khả năng thanh toán tốt và đảm bảo hoạt động bình thường. Trong năm, Công ty thực hiện vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động SXKD, làm tăng 19,83% khoản nợ vay tài chính ngắn

hạn (chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu nợ ngắn hạn: 50,73%). Điều này dẫn đến tổng nợ ngắn hạn tăng 7,45%. Tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 5,1% chủ yếu đến từ việc các khoản phải thu từ khách hàng tăng 17,1% và lượng tiền mặt tăng 66,4% tương ứng với các khoản vay Công ty đã thực hiện. Tuy nhiên, mức tăng này của tổng tài sản ngắn hạn vẫn nhỏ hơn so với tổng nợ ngắn hạn khiến hệ số thanh toán ngắn hạn giảm.

Hệ số thanh toán nhanh tăng 0,11 lần từ 0,56 lên 0,67. Hệ số này loại bỏ yếu tố hàng tồn kho trong tổng giá trị tài sản ngắn hạn. Vì công ty bán lẻ và phân phối, giá trị tồn kho chiếm tỷ trọng cao (58,13% so với tổng giá trị tài sản ngắn hạn), hệ số thanh toán nhanh 0,67 (dưới 1) là tương đối ổn định.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty.

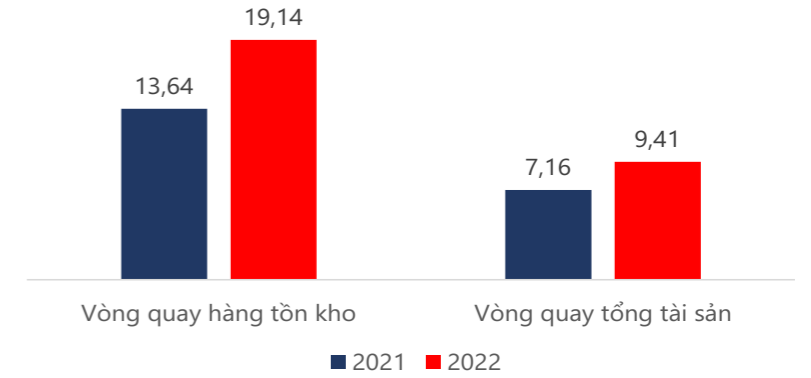
Hệ số nợ/Tổng tài sản thể hiện nợ phải trả chiếm bao nhiêu phần trăm trong cơ cấu vốn của doanh nghiệp. Các khoản nợ của Công ty chủ yếu đến từ nợ ngắn hạn khi chiếm 99,81% trong cấu trúc nợ. Hệ số nợ của công ty tăng 1,86% tương ứng với mức tăng của tổng tài sản là 3,34% nhưng tăng ít hơn so với tổng nợ phải trả là 7,43%.

Việc tăng tổng nợ chủ yếu đến từ việc khoản vay ngắn hạn của công ty với Ngân hàng TMCP Ngoại thương mục đích bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh. Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 88,27% lên 95,09% thể hiện mức độ rủi ro trong việc trả nợ của Công ty cao hơn. Tuy nhiên, các khoản nợ vay của doanh nghiệp chủ yếu để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn và Công ty không có khoản nợ nào quá hạn. Doanh thu của Công ty tăng trưởng tốt thể hiện Công ty đang sử dụng hiệu quả các nguồn vay của mình.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

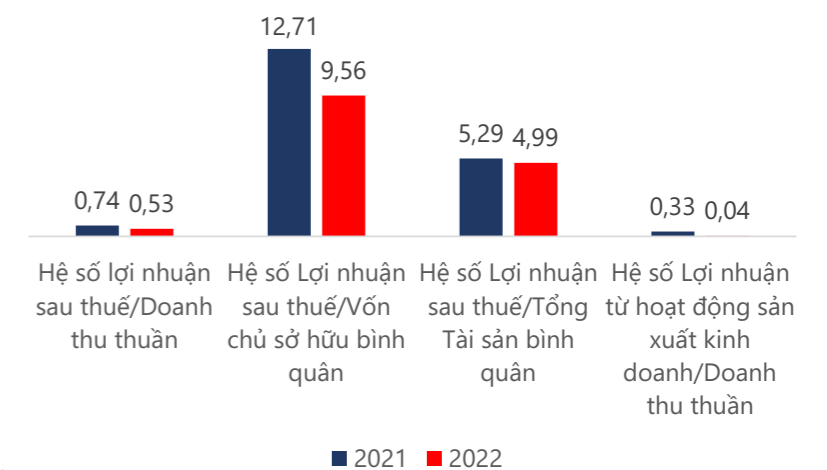
Trong năm vừa qua, doanh nghiệp đã ghi nhận sự tăng trưởng đáng kể trong vòng quay hàng tồn kho, với mức tăng từ 13,64 vòng lên 19,14 vòng. Điều này cho thấy, doanh nghiệp đã có những chính sách và chiến lược hiệu quả để quản lý và tối ưu hóa quá trình quản lý hàng tồn kho của mình.

Vòng quay hàng tồn kho tăng tương ứng với mức tăng 17,18% của giá vốn hàng bán (trong đó, giá vốn xăng dầu tăng 30,09% và giá vốn hàng bán lĩnh vực bách hóa tăng 13,09%) và mức giảm 7,3% của giá trị hàng tồn kho. Chi phí giá vốn tăng cao, đặc biệt trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu do áp lực tăng giá trong tình trạng thiếu hụt nguồn cung. Nhu cầu trong lĩnh vực kinh doanh bách hóa đã tăng trở lại sau hai năm ảnh hưởng của dịch Covid-19, doanh nghiệp đã bán được nhiều hàng hơn, lượng hàng tồn kho theo đó cũng giảm đi. Đây là một tín hiệu tích cực cho thấy doanh nghiệp đã có những bước đi chính xác để cải thiện vòng quay hàng tồn kho của mình.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Năm 2022 Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế giảm. Điều này khiến cho các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty cũng bị ảnh hưởng tiêu cực. Cụ thể, các hệ số ROS, ROE và ROA lần lượt giảm từ 0,74 xuống 0,53; 12,71 xuống 9,56; 5,29 xuống 4,99. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự giảm giá trị kinh doanh của Công ty trong năm vừa qua là do việc các chi phí gia tăng, bao gồm chi phí giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, làm giảm lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty.



Đây là những thách thức mà doanh nghiệp cần đối mặt và tìm cách giải quyết trong thời gian tới. Do đó, để cải thiện tình hình tài chính và tăng khả năng sinh lời của Công ty trong năm kinh doanh tiếp theo, các biện pháp quản lý chi phí hiệu quả sẽ là một trong những giải pháp quan trọng. Công ty cần tập trung vào việc cắt giảm các chi phí không cần thiết, tối ưu hóa quy trình và kinh doanh để giảm chi phí hoạt động, đồng thời tăng cường các hoạt động marketing, phát triển các sản phẩm mới và nâng cao chất lượng dịch vụ để tăng doanh số bán hàng và tăng khả năng sinh lời.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần



Tổng số cổ phiếu đã phát hành

18.155.868 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

18.155.868 cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu quỹ

0 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phần

10.000 đồng/Cổ phiếu



Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tỷ lệ sở hữu			
1	Cổ đông lớn	12.195.518	67
	Cổ đông nhỏ	5.960.350	33
Đối tượng sở hữu			
2	Cổ đông cổ tức	12.948.333	71
	Cổ tức cá nhân	5.207.535	29
Phạm vi sở hữu			
3	Trong nước	18.117.480	99,79
	Nước ngoài	38.388	0,21
Sở hữu nhà nước			
4	Cổ đông nhà nước	2.936.024	16,17
	Cổ đông khác	15.219.844	83,83
Tổng		18.155.868	100



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

STT	Thời điểm tăng vốn	Số lượng cổ phần phát hành (cổ phiếu)	Vốn sau khi tăng (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp
1	2009	1.049.986	80.499.860.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 10% cho cổ đông hiện hữu và ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	UBCKNN
2	2010	1.529.352	95.793.380.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 9%	UBCKNN
3	2011	1.628.257	112.075.950.000	Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu, phát hành ESOP cho cán bộ CNV tỷ lệ 5%	UBCKNN
4	2012	896.317	121.039.129.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%	UBCKNN
5	2021	6.051.956	181.558.680.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng với tỷ lệ phát hành 2:1	UBCKNN

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (*)

(*)Theo Công văn số 8752/UBCK-PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày 21/12/2021 của UBCKNN.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN
ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI
CỦA CÔNG TY**



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

Ban lãnh đạo công ty luôn ý thức và đề cao trách nhiệm bảo vệ môi trường của mỗi cán bộ công nhân viên trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh. Chính vì vậy, công ty luôn khuyến khích người lao động sống xanh bằng việc hạn chế rác thải, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng điện, nước...và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường cùng cộng đồng

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bán lẻ, bán buôn; hoạt động vận chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu của công ty gián tiếp thải một số khí độc hại ra môi trường. Do đó, Công ty luôn cố gắng giám sát và xây dựng hệ thống vận chuyển logistic tối ưu nhằm hạn chế tối đa lượng khí thải do phương tiện vận chuyển gây ra.



Tiêu thụ năng lượng

Để giảm thiểu nguồn năng lượng hao phí trong quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế, các doanh nghiệp, trong đó có CAMEX luôn chú trọng đến lượng điện được tiêu thụ trong năm. Hoạt động tiêu thụ điện năng của công ty chủ yếu đến từ các chi nhánh, cửa hàng bán lẻ, bán buôn và văn phòng làm việc.

Các sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

Tham gia giờ Trái đất, xây dựng tinh thần bảo vệ môi trường trong tập thể công ty

Công ty luôn có nhiều biện pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng tiêu thụ thông qua: sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng với hiệu suất cao hơn; cải thiện hệ thống truyền tải khi cần thiết; nhắc nhở, đôn đốc cán bộ nhân viên sử dụng điện một cách hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả.

Tổng sản lượng điện tiêu thụ trong năm 2022: 536.319 kWh



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty luôn xây dựng mạng lưới đa dạng các nhà cung cấp uy tín và đảm bảo chất lượng. Với tính chất vòng quay hàng tồn kho cao trong lĩnh vực phân phối bán lẻ, công ty luôn chú trọng công tác lưu kho, bảo quản, đảm bảo sản phẩm đủ tiêu chuẩn khi đến tay người tiêu dùng. Đa dạng hoá các dòng sản phẩm cũng là một trong những cách mà ban lãnh đạo công ty thực hiện để quản lý nguồn nguyên vật liệu đầu vào hiệu quả cũng như đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng. Hơn hết, với tính chất mùa vụ, công ty luôn chú trọng xây dựng các chính sách đối với hàng tồn kho sao cho linh động và hợp lý, với mục tiêu tối đa hoá được lợi nhuận đồng thời đảm bảo đủ nguồn cung ra thị trường.

Tổng lượng hàng tồn kho tính tới thời điểm cuối năm: **219.469.266.014 đồng.**



Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước: Nước khai thác từ hệ thống giếng khoan.

Trong năm vừa qua, lượng nước công ty sử dụng được kiểm soát chặt chẽ, đảm bảo tiêu thụ một cách hiệu quả. Công ty cũng đã đầu tư các trang thiết bị mới, hệ thống vòi nước chảy chậm, vòi rửa cơ chế ngắt tự động, vòi rửa tay nhấn hơi... để hạn chế việc sử dụng nước quá mức, hoang phí. Đồng thời, tập thể cán bộ nhân viên luôn được đôn đốc, khích lệ và tuyên truyền trong việc sử dụng nước một cách hợp lý, tiết kiệm.

Tổng sản lượng nước sinh hoạt tiêu thụ: 14.098 m³

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm, Công ty không có trường hợp nào bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty: 582

Thu nhập bình quân đạt: 8.500.000 đồng.

Về chính sách lương thưởng đối với người lao động

Ban lãnh đạo CAMEX luôn đảm bảo đội ngũ cán bộ, người lao động công ty được nhận khoản thù lao xứng đáng với công sức và năng lực làm việc của mình. Chính sách trả lương của công ty gắn liền với hiệu suất và sự gia tăng hiệu quả lao động của mỗi nhân viên. Công ty luôn thực hiện chế độ trả lương đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, đúng thời gian và quy định của nhà nước. Bên cạnh đó, công ty còn thực hiện chế độ lương thưởng tháng 13 nhằm động viên, khích lệ tinh thần của tập thể cán bộ công nhân viên.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hiểu được lực lượng lao động là nguồn lực quan trọng của công ty, ban lãnh đạo luôn chú trọng và ưu tiên các quyền lợi cho cán bộ lao động. Công ty đảm bảo thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định, đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên. Ngoài ra, công ty còn thực hiện các phúc lợi khác như phụ cấp chi phí, các chế độ khen thưởng; tổ chức các buổi du lịch, dã ngoại vào các ngày lễ lớn.. Bên cạnh đó, công ty luôn quan tâm, lắng nghe ý kiến đóng góp, nguyện vọng từ nhân viên với mục tiêu không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu quả lao động cũng như đời sống tinh thần của tập thể công ty.

Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động đào tạo nội bộ để không ngừng cập nhật và nâng cao trình độ và kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn trong lĩnh vực bán hàng, marketing cho người lao động, đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc tại các chi nhánh, cửa hàng. Công ty cũng tiến hành triển khai các chương trình đánh giá năng lực giúp nắm bắt được chất lượng làm việc của mỗi cán bộ nhân viên, từ đó thiết kế các chương trình đào tạo và phát triển phù hợp cho từng người.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, nhân đạo tại địa phương. Mỗi năm, công ty luôn trích lập một phần ngân sách để tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hoạt động nhân đạo, giúp đỡ các hộ gia đình gặp khó khăn, gây quỹ hỗ trợ cho các mái ấm tình thương, viện dưỡng lão,...Bên cạnh đó, công ty còn đồng hành với lãnh đạo tỉnh trong việc cải tạo cơ sở hạ tầng, vật chất tại địa bàn. Qua đây, giúp cải thiện đời sống người dân, hỗ trợ tích cực cho quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cũng như xây dựng hình ảnh, uy tín tại địa phương.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động về thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, CAMEX rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	TH 2022/ TH 2021	TH 2022/ KH 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.861.622	3.700.000	4.524.496	117,17%	122,28%
2	Lợi nhuận trước thuế	35.833	29.400	31.479	87,85%	107,07%
3	Lợi nhuận sau thuế	28.537	23.500	23.975	84,01%	102,02%

Trong năm 2022, Công ty đã cho thấy sự nỗ lực trong bối cảnh diễn biến kinh tế - chính trị phức tạp có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm đạt 4.524.696 triệu đồng, tăng 17,17% so với năm 2021 và vượt 22,28% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 31.479 triệu đồng và 23.975 triệu đồng, tương đương 87,85% và 84,01% so với giá trị cùng kỳ. Nguyên nhân chủ yếu do mức tăng chi phí dẫn đến lợi nhuận sụt giảm.



Tuy nhiên với sự cố gắng của toàn thể CBNV và Ban Lãnh đạo, Công ty đã hoàn thành mục tiêu đã đặt ra khi lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt vượt 7,07% và 2,02% so với kế hoạch. Cụ thể:

Đối với lĩnh vực bách hóa



Công ty không chỉ tiếp tục duy trì mạng lưới cửa hàng bán lẻ tại tỉnh Cà Mau và các thị trường lân cận trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, mà còn không ngừng phát triển đa dạng các dòng sản phẩm và áp dụng các chiến lược mới nhằm giữ vững thương hiệu và nâng cao năng lực trong lĩnh vực vốn dĩ có tính cạnh tranh cao. Với kinh nghiệm hoạt động lâu năm tại địa bàn, công ty đã chứng tỏ được sự chuyên nghiệp và sự đáng tin cậy của mình đối với khách hàng và đối tác.

Năm 2022 là năm đánh dấu sự hồi phục kinh tế rõ rệt sau đại dịch Covid-19. Theo đó, sức mua tiêu dùng của cả nền kinh tế cũng tăng trở lại. Doanh thu của lĩnh vực kinh doanh bách hóa đã tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước với mức tăng trưởng 14%. Hoạt động kinh doanh hàng bách hóa của công ty đã đạt được những thành tích đáng kể và tiếp tục khẳng định vị thế của công ty trên thị trường. Công ty cam kết tiếp tục nỗ lực và đầu tư để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng, cùng với sự phát triển bền vững và đóng góp tích cực cho nền kinh tế và xã hội.

Đối với lĩnh vực xăng dầu



Năm 2022 là một năm khó khăn đối với các doanh nghiệp kinh doanh năng lượng. Giá xăng dầu trong năm liên tục biến động mạnh. Cụ thể, trong hai Quý cuối năm 2022, giá xăng dầu thế giới liên tục đảo chiều với nguyên nhân xuất phát từ lo ngại suy thoái kinh tế và lạm phát. Nhà nước liên tục điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu trong kỳ, qua đó làm ảnh hưởng đến lợi nhuận gộp của Công ty. Điều này trái ngược với những gì xảy ra trong 6 tháng đầu năm, khi giá dầu liên tục tăng kể từ khi chiến sự Nga - Ukraine bùng nổ. Kèm theo đó là việc thực hiện chính sách "chiết khấu 0 đồng" theo quy định của Liên Bộ Tài chính - Công Thương khi giá nhập vào bằng giá bán ra, trong khi các chi phí vận hành, tỷ lệ hao hụt, chi phí vốn vẫn tăng lên khiến lợi nhuận của doanh nghiệp giảm đáng kể.

Tính đến ngày 31.12.2022, giá xăng dầu trong nước tăng 10% do áp lực tăng giá thế giới. Doanh nghiệp đã có những phương án, chiến lược ứng phó hợp lý, giữ ổn định nguồn cung cũng như cạnh tranh với những doanh nghiệp xăng dầu lớn khác.

Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm, tận dụng sức tăng lại của thị trường, Công ty đã thực hiện đa dạng hóa các dòng sản phẩm và dịch vụ để đáp ứng nhu cầu khách hàng đa dạng hơn. Việc đa dạng hóa này cũng có thể giúp công ty tiếp cận được với các khách hàng mới và tăng doanh số bán hàng.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đã tập trung vào việc tăng cường quan hệ khách hàng để giữ chân khách hàng cũ và thu hút khách hàng mới. Việc này có thể giúp công ty tạo được một thương hiệu uy tín và tăng doanh số bán hàng.

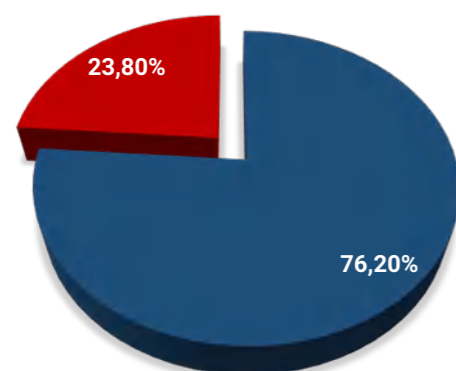


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

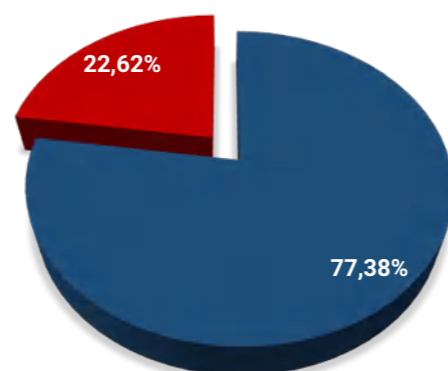
Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	360.315	76,20%	378.704	77,50%	105,10%
Tài sản dài hạn	112.538	23,80%	109.939	22,50%	97,69%
Tổng tài sản	472.853	100%	488.643	100%	103,34%



2021

■ Tài sản ngắn hạn
■ Tài sản dài hạn



2022

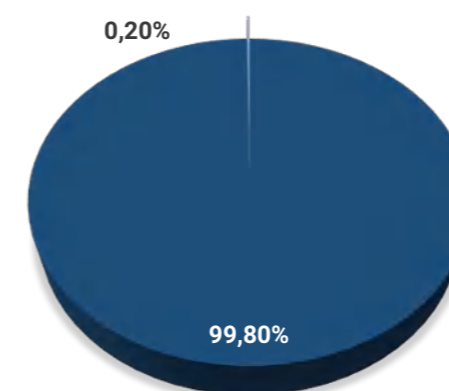
Tình hình tài sản của doanh nghiệp trong năm qua biến động không quá lớn. Tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao (77,38%) do đặc điểm doanh nghiệp bán lẻ và tăng 4,79% so với năm trước. Tuy nhiên, trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng cao nhất (65,71%) ghi nhận mức giảm 7,3%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ nhu cầu của khách hàng phục hồi và tăng trong giai đoạn sau dịch, doanh nghiệp bán được sản phẩm, do đó dự trữ tồn kho giảm, đồng thời các khoản phải thu khách hàng (chiếm tỷ trọng 17,1%) tăng theo (19,01%). Trong năm, lượng tiền mặt trong doanh nghiệp tăng cao với tỷ lệ tăng là 66,4% đến từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và các khoản vay doanh nghiệp thực hiện để phục vụ quá trình hoạt động, đóng góp vào mức tăng chung của tài sản ngắn hạn.

Tài sản dài hạn chiếm 22,92% trong cơ cấu tài sản và giảm 1,95% do mức khấu hao lũy kế trong năm.

Tình hình nợ phải trả

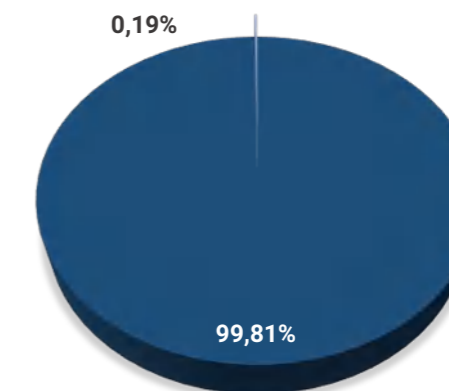
Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021		31/12/2022		% 2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	221.242	99,80%	237.718	99,81%	107,45%
Nợ dài hạn	450	0,20%	450	0,19%	100%
Tổng nợ phải trả	221.692	100%	238.168	100%	107,43%



2021

■ Nợ ngắn hạn
■ Nợ dài hạn



2022

Nợ phải trả của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ hoạt động của Công ty.

Tình hình nợ của công ty cũng không có nhiều biến động, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng gần như trong cơ cấu nợ, được huy động để phục vụ việc bổ sung lượng vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Đối với nợ ngắn hạn, trong năm, doanh nghiệp thực hiện vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với mục đích tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh khiến khoản nợ vay ngắn hạn (chiếm tỷ trọng cao nhất, 50,73%) tăng 19,83%. Đồng thời các khoản phải trả người bán (chiếm tỷ trọng 37,88%) giảm 10,12% chủ yếu là do công ty cắt giảm được các khoản phải trả cho công ty mẹ là Công ty TNHH TM & DV Long Hưng.

Nợ dài hạn là các khoản phải trả dài hạn chỉ chiếm 0,19% trong cơ cấu nợ phải trả của Công ty



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về cơ cấu tổ chức

Nhằm phát huy hết nguồn lực tiềm năng của công ty, trong năm 2022, ban lãnh đạo CMV có những bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức:

- » Thống nhất thông qua việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc – phụ trách mảng Xăng dầu – Gas – Nhớt.
- » Thống nhất thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng và phân công phụ trách mảng Tài chính – Kế toán – Tin học.
- » Thống nhất thông qua miễn nhiệm chức vụ trong thành viên Ban điều hành.
- » Thống nhất bổ sung một thành viên HĐQT độc lập
- » Thống nhất bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng

Về công tác quản lý hoạt động kinh doanh thương mại

- » Tiếp tục chiến lược phát triển và giữ vững thị phần ở địa bàn Cà Mau. Đồng thời đẩy mạnh hoạt động bán hàng và phát triển thương hiệu tại các tỉnh trong Đồng bằng Sông Cửu Long.
- » Xây dựng kế hoạch quản lý nguồn cung xăng dầu hiệu quả dựa vào tình hình và sự biến động trên thị trường trong nước và thế giới.
- » Chủ trương nâng cấp hệ thống cửa hàng xăng dầu – bách hóa với tổng giá trị 12,75 tỷ; mua thêm một kho chứa hàng bách hóa tại tỉnh Kiên Giang.
- » Đóng cửa một số chi nhánh và cửa hàng không có hiệu quả kinh doanh (Cụ thể: Chi nhánh cửa hàng Phân phối Tiêu dùng Hộ Phòng, tỉnh Bạc Liêu)



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

4.410.000

**Doanh thu thuần
(Triệu đồng)**

28.000

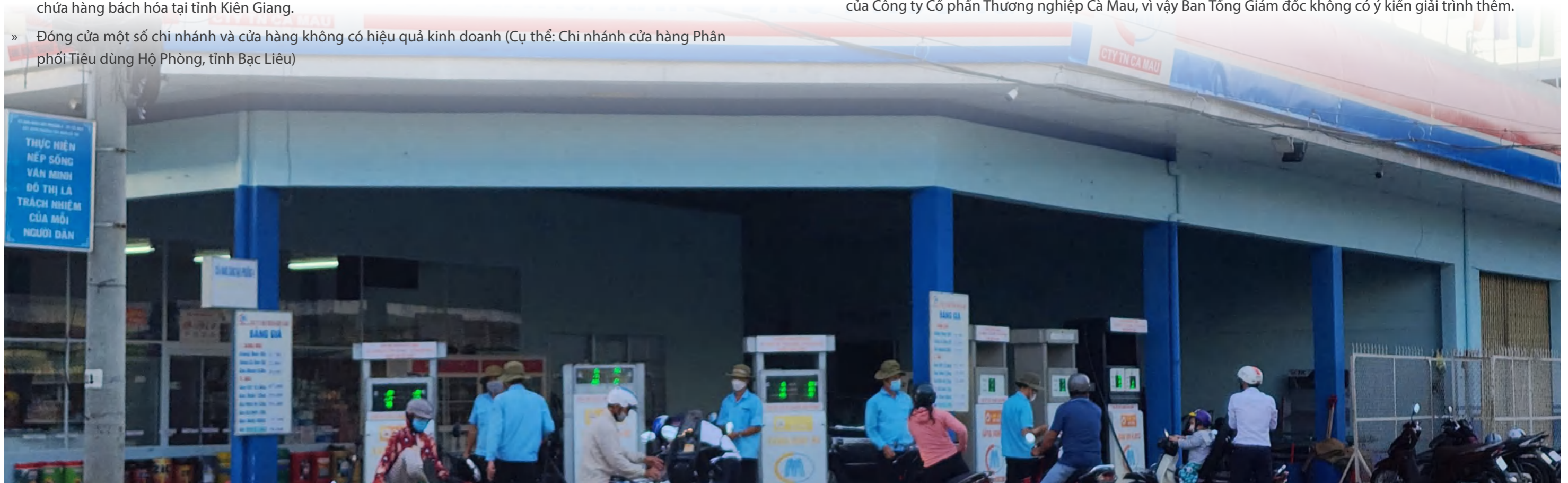
**Lợi nhuận trước thuế
(Triệu đồng)**

22.400

**Lợi nhuận sau thuế
(Triệu đồng)**

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES) đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Các kế hoạch, định hướng phát triển của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố:

- » Nguồn cung xăng dầu không ổn định cũng như chi phí giá vốn bỏ ra tăng cao khiến công ty phải liên tục điều chỉnh các kế hoạch kinh doanh xăng dầu.
- » Lãi suất được NHNN điều chỉnh tăng trong áp lực lạm phát khiến gia tăng chi phí lãi vay từ các khoản vay ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.
- » Cạnh tranh tăng cao trên thị trường khi các nhà cung cấp liên tục cắt giảm hạn mức chiết khấu đối với Công ty.

Kết thúc năm tài chính, lợi nhuận trước thuế và sau thuế của Công ty lần lượt đạt 32.181 và 24.598 triệu đồng. Với kết quả này, lợi nhuận trước thuế giảm 10,19% và lợi nhuận sau thuế 13,8% so với năm 2021. Mặc dù ghi nhận mức giảm nhưng Công ty cũng đã đạt được mục tiêu kinh doanh đã đặt ra ở đầu năm. Trong tình hình tăng giá chung của thị trường vẫn đang diễn ra, Công ty cần thực hiện kiểm soát và quản lý chi phí một cách hiệu quả hơn để bảo toàn được lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã ghi nhận tinh thần hướng đến cộng đồng và xã hội của công thông qua các hoạt động đóng góp cho cộng đồng tại địa phương cũng như ý thức trách nhiệm chung trong việc bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng trong tập thể Ban Giám đốc và toàn bộ cán bộ nhân viên.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị luôn quan sát và kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc trong các công tác sau:

- » Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra chiến lược kinh doanh và các giải pháp thực hiện kịp thời, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022.
- » Giám sát, chỉ đạo công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của công ty.
- » Xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2022 của công ty mẹ và các công ty con.
- » Chủ trì, chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào ngày 24/6/2022.

Trải qua hoạt động kinh doanh trong năm 2022 với nhiều cơ hội và thách thức, Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực làm việc của Ban Tổng Giám đốc để giúp công ty đạt được những chỉ tiêu trong kế hoạch đã đề ra.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm kinh doanh tiếp theo, Hội đồng quản trị đặt mục tiêu kinh doanh như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	% KH 2023/ TH 2022
1	Vốn điều lệ	181.558	181.558	100%
2	Doanh thu	4.524.663	4.212.000	93,09%
3	Lợi nhuận trước thuế	32.181	25.600	79,55%
4	Lợi nhuận sau thuế	24.598	20.000	81,31%
5	Dự kiến cổ tức	10%	8%	80%

Lập và xây dựng định hướng quản trị doanh nghiệp trong thời đại 4.0

- » Thay đổi và áp dụng giải pháp quản trị mới để tận dụng tốt cơ hội và giải quyết những thách thức mới đặt ra
- » Quản trị doanh nghiệp trong thời đại công nghệ 4.0 đòi hỏi các cấp quản lý phải nâng cao năng lực quản trị trên các lĩnh vực bao gồm: Quản trị chiến lược, tài chính, nhân lực. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 thì công nghệ số là yếu tố tác động lớn nhất. Các thách thức từ quản trị doanh nghiệp hoàn toàn có thể giải quyết nếu các nhà quản trị biết ứng dụng công nghệ vào hoạt động quản trị, điều hành, trong đó áp dụng phần mềm quản trị vào quá trình kinh doanh để tối ưu hóa nguồn lực và tiết kiệm chi phí.



05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	9.259.494	51%
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	647.419	3,57%
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	-
4	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT	100.000	0,55%
5	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT Độc lập	-	-
6	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	2.936.024	16,17%
7	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT Độc lập	-	-

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh - Chủ tịch HĐQT

Ngày sinh: 24/12/1964
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân

Quá trình công tác:

1988 - 1992 : Phòng tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè - Công ty xăng dầu Khu vực II
1993 - 2009 : Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2009 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng
2010 - 2011 : Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty vận tải dầu khí Mekong
2011 đến nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong
05/05/2018 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: Không.
- Đại diện sở hữu: 9.259.494 CP, chiếm 51 % VDL, là đại diện của Công ty TNHH TM DV Long Hưng

Bà Nguyễn Thị Việt Ánh - Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin xem tại Chương II mục 2 - Tổ chức và nhân sự

Ông Phù Chí Anh - Thành viên Hội đồng quản trị

Thông tin xem tại Chương II mục 2 - Tổ chức và nhân sự

Bà Nguyễn Thị Hiền - Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 10/10/1972
Nơi sinh: Thái Bình
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cao đẳng Kinh tế đối ngoại - Kỹ thuật viên xăng dầu

Quá trình công tác:

1992 - 1994 : Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolimex
1993-2009 : Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II
2005 - đến nay : Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng
05/05/2018 - đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH TM DV Long Hưng

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: Không.

- Đại diện sở hữu: Không.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Ông Nguyễn Văn Khánh - Thành viên HĐQT độc lập

Ngày sinh: 14/08/1982
Nơi sinh: Long An
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Anh văn, Thạc sĩ Kinh tế - Chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Quá trình công tác:

2006 - 2008 : Phó phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Kho vận Thương mại Sài Gòn.
 2008 - 2011 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
 2008 - 2015 : Phòng Tư vấn TCDN CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
 2012 - đến nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau
 2015 - đến nay : Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt
 2020 - đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn
 2020 - đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị độc lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn, Phó Giám đốc phụ trách CN Công ty Cổ phần chứng khoán Bảo Việt, Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy sản Cà Mau

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: không

Ông Nguyễn Văn Cảnh - Thành viên HĐQT Độc lập

Ngày sinh: 29/09/1961
Nơi sinh: Hưng Yên
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

24/06/2022 - nay : Thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: không

Ông Hoàng Anh Dũng - Thành viên HĐQT

Ngày sinh: 24/01/1976
Nơi sinh: Hà Nội
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế đầu tư Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Quá trình công tác:

9/1999 - 9/2000 : Nhân viên Công ty TNHH Bình Minh tại Hà Nội
 01/2022 - 9/20009 : Chuyên viên, phó Ban, Trưởng Ban PTKD Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PetroSetco)
 10/2009 : Chủ tịch Hội đồng Liên doanh Nhà máy sản xuất vỏ bình khí PetroSetco
 09/2011 đến nay : Chuyên viên Chính 2, Phó Trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng công ty Dầu Việt Nam - CTCP
 30/06/2021 đến nay : Thành viên HĐQT CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Phó trưởng Ban Kế hoạch thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: không

- Đại diện sở hữu: 2.936.024 CP, chiếm 16,17% VDL, là đại diện của PVOIL tại Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau

Những thay đổi trong Hội đồng quản trị trong năm 2022

STT	Thành viên	Vị trí HĐQT	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm	Ghi chú
1	Dương Xuân Phát	Thành viên	24/06/2022	Miễn nhiệm
2	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên	24/06/2022	Bổ nhiệm

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát chặt chẽ Ban Tổng Giám đốc trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra các chiến lược kinh doanh và các giải pháp thực hiện kịp thời, phù hợp với thực trạng nền kinh tế, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh đã đặt ra.

Trong suốt quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị đã giám sát, chỉ đạo chặt chẽ công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, rõ ràng về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ động và công ty trên phương diện pháp luật hiện hành. Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi để cổ động và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát và kiểm soát các hoạt động Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty thường xuyên giám sát các hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo Ban điều hành thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, thực hiện các Nghị quyết ban hành của Đại hội đồng cổ động và Hội đồng quản trị, chỉ đạo tổ chức Đại hội đồng cổ động thường niên vào ngày 24/06, xây dựng kế hoạch hoạt động kinh doanh và kế hoạch tài chính trong năm. Qua đó, Hội đồng quản trị đảm bảo Công ty hoạt động và phát triển theo đúng định hướng mục tiêu.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị trong năm

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	07/07	07/07	
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	07/07	07/07	
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	07/07	07/07	
4	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT Độc lập	07/07	07/07	
5	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT	07/07	07/07	
6	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	07/07	07/07	
7	Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT	05/05	05/05	Miễn nhiệm ngày 24/06/2022
8	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT Độc lập	02/02	02/02	Bổ nhiệm ngày 24/06/2022

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Ông Nguyễn Văn Khánh và Ông Nguyễn Văn Cảnh – Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong năm đã tham gia tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị tiếp tục góp phần giúp Hội đồng quản trị giám sát, điều hành hoạt động của Công ty theo đúng định hướng phát triển. Với kiến thức và chuyên môn của mình, Thành viên HĐQT độc lập đã đưa ra ý kiến xác thực, có chuyên môn và thể hiện tinh thần độc lập.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia khóa học về quản trị công ty tổ chức trước đây.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (Tiếp theo)

Các Nghị quyết/Quyết định

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/2022/NQ-HĐQT	17/01/2022	Thông qua giải thể Chi nhánh Cửa hàng Phân phối hàng Tiêu dùng Hộ Phòng - Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
02	02/2022/NQ-HĐQT	24/03/2022	Thông qua kế hoạch sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Bách Việt, miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Lưu Hoàng Thống
03	03/2022/NQ-HĐQT	28/04/2022	Thông qua gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;
04	04/2022/NQ-HĐQT	29/04/2022	Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2022; Thông qua chủ trương thuê nhà kho tại chi nhánh Kiên Giang Thông qua bổ sung 01 chức danh Phó Tổng giám đốc Công ty phụ trách Xăng Dầu - Gas - Nhớt; Thông qua việc miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Ông Phù Chí Anh và phân công Ông Phù Chí Anh Phó Tổng Giám đốc phụ trách mảng Tài chính - Kế toán - Tin học; Thông qua đơn từ nhiệm thành viên HĐQT độc lập của Ông Dương Xuân Phát để trình ĐHĐCĐ thông qua; Thông qua tờ trình bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT độc lập để trình ĐHĐCĐ thông qua;
05	05/2022/NQ-HĐQT	17/06/2022	Thông qua tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ giao cho HĐQT xử lý, khai thác, chuyển mục đích sử dụng đối với tài sản cố định nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty và thanh lý các tài sản cố định không sử dụng, không khai thác hiệu quả được thẩm định giá theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản xử lý có giá trị thấp hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Thông qua tờ trình về việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch cung cấp xăng dầu Công ty; Thông qua việc ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ, thành lập ban kiểm toán nội bộ Công ty.

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
			Thông qua chủ trương sửa đổi điều lệ Công ty có 02 người đại diện pháp luật để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; Thông qua việc chốt danh sách cổ đông chi trả 12% cổ tức năm 2021 bằng tiền mặt;
06	06/2022/NQ-HĐQT	15/07/2022	Thông qua ước thực hiện kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm 2022; Thông qua việc thành lập cửa hàng Bách hóa phường 4 (thuộc cửa hàng xăng dầu Phường 4), địa chỉ đường Lý Bôn, Phường 4, Tp Cà Mau, tỉnh Cà Mau).
			Thông qua bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty Cổ Phần Thương Nghiệp Cà Mau; Thông qua BCTC (Công ty Mẹ, hợp nhất) quý 3 năm 2022, lũy kế kết quả kinh doanh 9 tháng năm 2022 và kế hoạch ước thực hiện quý 4 năm 2022;
07	07/2022/NQ-HĐQT	31/10/2022	Thông qua chủ trương thuê kho chứa hàng tại tỉnh Kiên Giang; Thông qua kế hoạch định biên lao động và quỹ lương năm 2022.



BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2022

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên	110.000	0,61%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên	-	-

Lý lịch Ban kiểm soát

Ông **Đỗ Cao Sơn - Trưởng Ban Kiểm Soát**

Ngày sinh: 1987
Nơi sinh: Bảo Lộc - Lâm Đồng
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

01/2012 - 05/2018 : Chuyên viên tư vấn dịch vụ kế toán và thuế Công ty TNHH Kế Toán Kim Thủy
06/2018 - 10/2021 : Phụ trách kế toán tại Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
11/2021 - 02/2023 : Kế toán trưởng tại Cty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng
05/2019 - đến nay : Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: Không.
- Đại diện sở hữu: Không

Ông **Trần Chí Hiếu - Thành viên Ban Kiểm Soát**

Ngày sinh: 05/07/1962
Nơi sinh: Cà Mau
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính - Kế toán

Quá trình công tác:

09/1981 - 04/1997 : Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau
05/1997 - 11/2007 : Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Bách Việt
05/05/2018 - nay : Thành viên Ban kiểm soát CTCP Thương Nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: 110.000 CP, chiếm 0,61% VDL
- Đại diện sở hữu: Không

Ông **Ngô Thế Anh - Thành viên Ban Kiểm Soát**

Ngày sinh: 15/07/1983
Nơi sinh: Cà Mau
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật - Chuyên ngành luật thương mại

Quá trình công tác:

7/2006 - 5/2008 : Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh
5/2008 - 2/2011 : Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)
2018 - nay : Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: - Cá nhân: Không.
- Đại diện sở hữu: Không



BAN KIỂM SOÁT (Tiếp theo)

Hoạt động của Ban kiểm soát

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Đồng thời, hoàn thành nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Công ty cũng như bảo đảm tuân thủ các quy định của Pháp luật.

Ban Kiểm soát Công ty hàng năm đã giám sát và đảm bảo mọi công tác chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được triển khai đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng xem xét sự phù hợp của những Nghị quyết do Hội đồng quản trị đưa ra trong quá trình hoạt động để bảo đảm tuân thủ điều lệ công ty và theo quy định pháp luật.

Trong suốt thời gian này, Ban Kiểm soát cũng tiến hành giám sát tình hình kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, thẩm tra báo cáo tài chính hàng quý trong năm 2022. Đồng thời, Ban Kiểm soát giám sát quá trình thực hiện công khai thông tin với mục đích đảm bảo sự minh bạch và rõ ràng trong tình hình tài chính và hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật chứng khoán. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho cổ đông và các nhà đầu tư làm tốt chức năng giám sát, kiểm soát công ty.

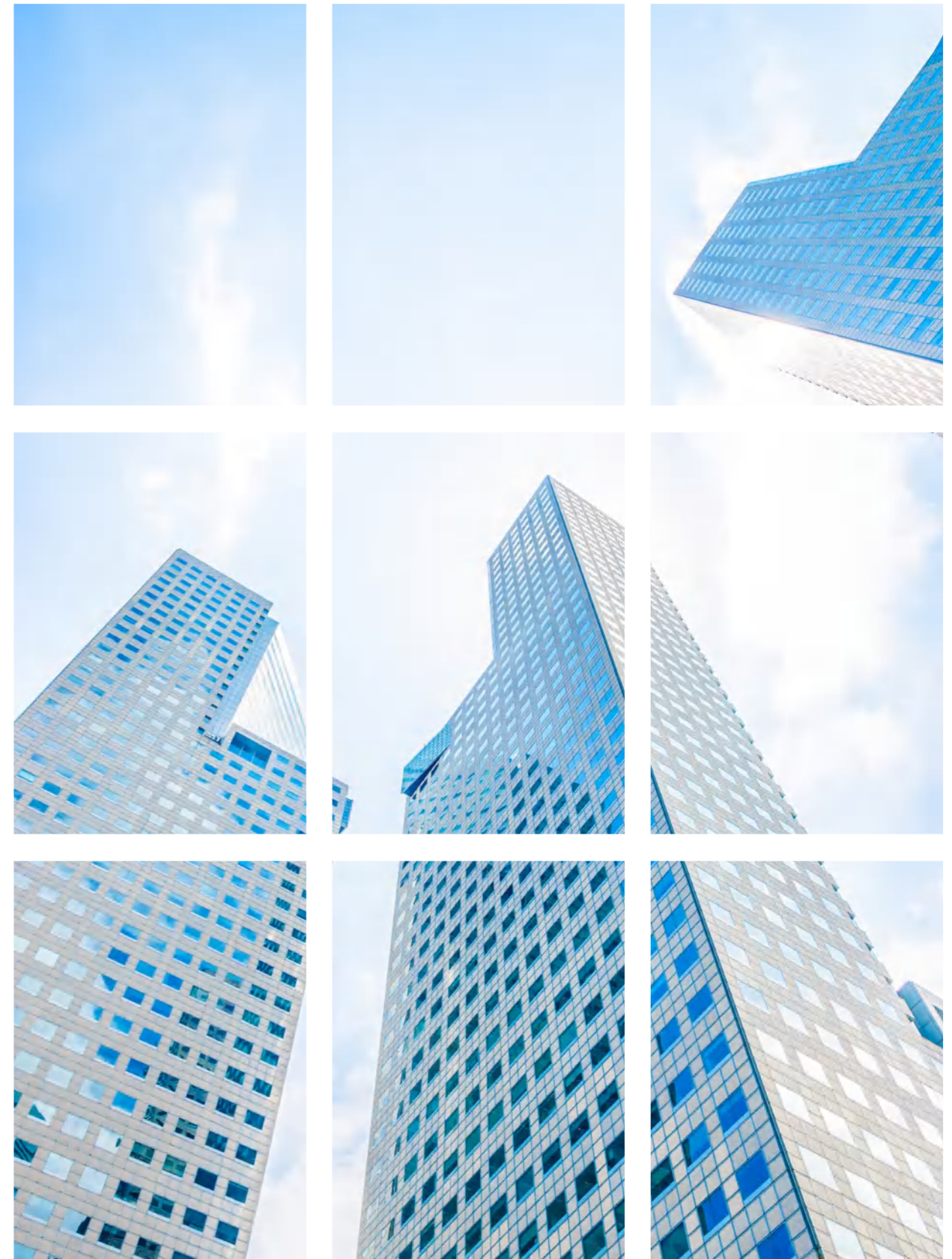
Phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Xuyên suốt thời gian thực thi nhiệm vụ trong năm 2022, Ban Kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc về việc cung cấp những thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp. Các thông tin này luôn được công bố rõ ràng và đầy đủ tại các cuộc họp Hội đồng quản trị cũng như trong cuộc họp của Ban Kiểm soát.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty cũng đã tạo điều kiện để hỗ trợ Ban Kiểm soát trong việc thực thi vai trò giám sát, kiểm tra hoạt động trong Công ty. Tại mỗi cuộc họp của Ban Kiểm soát, tất cả cán bộ đều được mời tham dự với vai trò cung cấp thông tin về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và giải thích đầy đủ cho Ban Kiểm soát khi có yêu cầu, giúp đỡ Ban Kiểm soát trong việc thực thi nhiệm vụ của mình

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	02/02	100%
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên	02/02	100%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên	02/02	100%





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng lương	Tổng thù lao	Thưởng	Các khoản lợi ích khác (Cổ tức)
Hội đồng quản trị						
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	28.000.000	-
2	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-
3	Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	25.000.000	-
4	Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-
5	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT	-	96.000.000	21.577.611	-
6	Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT	-	84.000.000	22.000.000	-
7	Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-
8	Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	-
Ban Kiểm soát						
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	-	48.000.000	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	-	48.000.000	-
3	Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	-	36.000.000	-
Ban Điều hành						
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	996.504.186	-	-	776.902.800
2	Phù Chí Anh	Phó TGD	519.973.989	-	-	120.000.000
3	Lưu Hoàng Thống	Phó TGD	110.928.364	-	-	-
4	Trần Thị Trúc Linh	Phó TGD	484.244.059	-	-	36.547.200

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Việc quản trị Công ty luôn được Camex chú trọng hàng đầu và được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị nội bộ của công ty. Để đảm bảo quyền lợi và lợi ích cho cổ đông và các nhà đầu tư, công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. Công ty đảm bảo thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, rõ ràng. Ban lãnh đạo không ngừng hoàn thiện bộ máy quản trị phù hợp với bản sắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Ngoài ra, công ty không ngừng nâng cao năng lực quản trị cho các thành viên ban lãnh đạo giúp hoạt động quản trị mang lại hiệu quả cao.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	TV HĐQT - TGD	647.419	3,57%	647.419	3,57%	
2	Phù Chí Anh	TV HĐQT - P. TGD	100.000	0,55%	100.000	0,55%	
3	Trần Thị Trúc Linh	Phó TGD	30.456	0,17%	30.456	0,17%	
4	Trần Chí Hiếu	TV BKS	110.000	0,61%	110.000	0,61%	

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
01	Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	Cổ đông lớn	0303937088	20 Nguyễn Thị Huỳnh, P8, Q.Phú Nhuận, TP HCM	Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 06 năm 2022)	Mua hàng với giá trị GD = 764.154.161.270 đồng.

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

KIỂM TOÁN NĂM 2022



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty Mẹ và Công ty TNHH MTV Bách Việt – Công ty con và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu – Công ty con) (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn").

1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 637/NĐ-UBND ngày 14 tháng 09 năm 2007 của UBND tỉnh Cà Mau. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6103000105 đăng ký lần đầu vào ngày 01 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp về việc tăng vốn điều lệ.

Và theo Quyết định số 349/QĐ-SGDHCM thay đổi đăng ký niêm yết ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM chấp thuận cho Công ty thay đổi số lượng niêm yết chứng khoán có hiệu lực ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Hiện nay Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty niêm yết trên sàn HOSE.

Mã chứng khoán : CMV.

Vốn điều lệ : 181.558.680.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 70 – 72 Đề Thám, phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Điện thoại : + 84-(290) 383 92 20

Fax : + 84-(290) 383 43 58

3. Cấu trúc Tập đoàn

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 15B Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

4. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng; Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát; Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

5. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

5.1. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch		
Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên		
Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên		
Ông Dương Xuân Phát	Thành viên		24/6/2022
Ông Phù Chí Anh	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên		
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên		
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên	24/6/2022	

5.2. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Đỗ Cao Sơn	Trưởng ban
Ông Trần Chí Hiếu	Thành viên
Ông Ngô Thế Anh	Thành viên

5.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Việt Anh	Tổng Giám đốc		
Ông Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc		
Bà Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	01/01/2022	
Bà Nguyễn Hoàng My	Phó Tổng Giám đốc	17/6/2022	
Ông Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc		24/3/2022
Bà Nguyễn Thúy Ái	Kế toán trưởng	01/11/2022	
Ông Phù Chí Anh	Kế toán trưởng		17/6/2022

6. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Tổng Giám đốc Công ty.

7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 58.

8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

– Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thông nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.

– Công ty đang tiến hành thủ tục sáp nhập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc sáp nhập công ty TNHH Bách Việt – Công ty con vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau – Công ty mẹ. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.

– Doanh thu của Công ty CP In Bạc Liêu chủ yếu từ hoạt động in vé số cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu. Tuy nhiên, năm 2023 Công ty không trúng gói thầu cung cấp vé số (giấy in, công in) thuộc dự toán in xổ số kiến thiết truyền thống Bạc Liêu 2023 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu với giá trị gói thầu 42.042.000.000 VND.

9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Tập đoàn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

10. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

TM. Hội đồng quản trị



NGUYỄN TUẤN QUỲNH
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2100/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 08 đến trang 58, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

VIETVALUES

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và các công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths. Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán số 1523-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Bích Diễm - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN kiểm toán số 4721-2019-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		378.704.195.799	360.315.172.330
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	52.787.016.692	31.673.305.162
111	1. Tiền		49.287.016.692	28.173.305.162
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.500.000.000	3.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		6.404.000.000	5.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	6.404.000.000	5.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		99.460.513.907	85.532.382.825
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	73.336.222.960	61.617.721.420
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	12.841.604.515	13.339.035.580
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	15.645.949.512	13.580.642.267
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(2.402.425.726)	(3.164.840.670)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	39.162.646	159.824.228
140	IV. Hàng tồn kho		219.457.616.494	236.747.098.956
141	1. Hàng tồn kho	V.8	219.457.616.494	236.747.098.956
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		595.048.706	1.362.385.387
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	517.694.844	405.348.047
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	927.315.215
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	77.353.862	29.722.125
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		109.938.692.764	112.538.213.308
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.054.437.000	2.427.805.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	3.054.437.000	2.427.805.000
220	II. Tài sản cố định		83.368.898.698	89.708.231.641
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	48.026.266.454	54.282.104.525
222	- Nguyên giá		155.314.890.170	160.615.865.621
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(107.288.623.716)	(106.333.761.096)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	35.342.632.244	35.426.127.116
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.806.334.419)	(1.722.839.547)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.094.957.400	1.094.957.400
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.094.957.400	1.094.957.400
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	4.709.486.100	6.029.757.600
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.790.091.100)	(2.469.819.600)
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.710.913.566	13.277.461.667
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	17.710.913.566	13.277.461.667
269	2. Lợi thế thương mại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		488.642.888.563	472.853.385.638

ĐVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		238.167.694.354	221.691.975.708
310	I. Nợ ngắn hạn		237.717.694.354	221.241.975.708
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	75.335.459.596	83.813.142.902
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	333.522.795	123.081.585
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	3.629.697.594	2.159.194.972
314	4. Phải trả người lao động	V.16	12.214.225.277	12.807.621.006
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	3.535.205.168	3.429.735.300
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	706.156.400	715.687.045
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	3.955.145.749	3.508.618.781
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	134.495.671.982	112.241.649.658
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	3.512.609.793	2.443.244.459
330	II. Nợ dài hạn		450.000.000	450.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	450.000.000	450.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		250.475.194.209	251.161.409.930
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	250.475.194.209	251.161.409.930
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.558.680.000	181.558.680.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.558.680.000	181.558.680.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.578.837.745	1.578.837.745
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.637.790.000	1.637.790.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		30.962.296.792	30.928.193.775
421	-5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.557.826.326	27.500.314.568
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		3.039.251.594	(169.033.292)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		23.518.574.732	27.669.347.860
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		8.179.763.346	7.957.593.842
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		488.642.888.563	472.853.385.638

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Tổng Giám đốc

(Chữ ký)

QUÁCH DUY TÂM

(Chữ ký)

NGUYỄN THỨ AI



NGUYỄN THỊ VIỆT ANH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

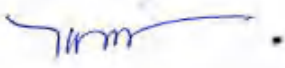
ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.524.496.458.337	3.861.622.463.032
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	14.772.039	115.390.909
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.524.481.686.298	3.861.507.072.123
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.364.851.587.732	3.709.654.441.103
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		159.630.098.566	151.852.631.020
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	3.317.466.559	5.211.008.694
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	9.850.164.927	9.476.822.014
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		8.162.961.035	9.680.362.314
24	8. Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	127.438.690.662	113.231.516.107
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	23.838.992.386	21.652.176.394
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.819.717.150	12.703.125.199
31	12. Thu nhập khác	VI.8	30.113.510.673	23.396.731.848
32	13. Chi phí khác	VI.9	454.576.056	267.340.922
40	14. Lợi nhuận khác		29.658.934.617	23.129.390.926
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		31.478.651.767	35.832.516.125
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	7.502.905.566	7.295.964.225
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		23.975.746.201	28.536.551.900
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		23.417.696.822	27.595.776.119
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		558.049.379	940.775.781
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	1.180	1.659
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	1.180	1.659


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 QUÁCH DUY TÂM


 NGUYỄN THÚY ÁI

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

 NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

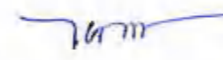
ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		31.478.651.767	35.832.516.125
	2. Điều chỉnh các khoản		12.525.034.192	15.837.924.574
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	7.683.962.572	8.127.712.451
03	- Các khoản dự phòng	V.5-12	(560.585.139)	712.044.672
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.761.304.276)	(2.682.194.863)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	8.162.961.035	9.680.362.314
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		44.003.685.959	51.670.440.699
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		775.909.563	43.860.130.021
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	17.289.482.462	70.502.481.572
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(19.045.208.886)	(46.769.356.621)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.9	(4.545.798.696)	(27.228.811)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(8.103.774.704)	(9.730.092.042)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(7.753.058.854)	(8.704.039.794)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	(1.581.284.988)	(1.354.933.785)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.039.951.856	99.447.401.239
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	V.12	(1.331.537.515)	(3.177.114.482)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	VI.9	(5.909.092)	65.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	3.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.072.067.707	2.071.588.175
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(265.378.900)	2.459.473.693
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	V.22	-	60.519.560.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	2.074.245.947.127	1.694.188.029.305
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(2.051.991.924.803)	(1.833.151.726.437)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(21.914.883.750)	(33.711.152.370)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		339.138.574	(112.155.289.502)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		21.113.711.530	(10.248.414.570)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		31.673.305.162	41.921.719.732
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	52.787.016.692	31.673.305.162

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


 QUÁCH DUY TÂM


 NGUYỄN THÚY ÁI

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

 NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty mẹ và 02 công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (sau đây gọi là "Tập đoàn")

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhớt), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điều các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, có các đặc điểm hoạt động ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu tăng nhưng lãi gộp giảm do tác động chung của thị trường.
- Theo Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kế hoạch sáp nhập Công ty TNHH MTV Bách Việt – Công ty con vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau – Công ty mẹ, và đã sáp nhập từ tháng 6 năm 2022 dẫn đến doanh thu, chi phí lương, hàng tồn kho tăng lên so với năm trước.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (Xem thuyết minh IV.6b)

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
				Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 15B Lý Bôn, phường 4, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2.	Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san, tài liệu giảng dạy và học tập, thông tin cổ đông; in vé số, nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của Nhân dân	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tập đoàn không có công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6e. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

6f. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

6g. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6h. Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

6i. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm
Tập đoàn không có những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 683 nhân viên đang làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn (số đầu năm là 699 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thống lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

4. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

75-
TY
HỮU
HÀ
À TỬ V
VIỆT
Đ C

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (hao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dư thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 49-50 năm

Tiền thuê nhà trả trước

Tiền thuê nhà trả trước thể hiện khoản tiền thuê nhà đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê nhà trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê 15 năm

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền Bảo hiểm đã trả cho phần nhà Tập đoàn đang sử dụng. Tiền Bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được Bảo hiểm.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

14. Quỹ lương

Quỹ lương trích theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2022/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 10 năm 2022.

- Quỹ lương 6 tháng đầu năm 2022 trước khi sáp nhập Công ty TNHH MTV Bách Việt (Công ty con) được trích theo đơn giá tiền lương 8.500.000 VND x 6 tháng x 540 người.
- Quỹ lương 6 tháng cuối năm 2022 sau khi sáp nhập Công ty TNHH MTV Bách Việt (Công ty con) được trích theo đơn giá tiền lương 8.500.000 VND x 6 tháng x 601 người.
- Công ty CP In Bạc Liêu (Công ty con): Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2022 ngày 18 tháng 6 năm 2022 tổng quỹ lương kế hoạch năm 2022 là 11.328.000.000 VND. Công ty xác định quỹ lương năm 2022 với số tiền 9.737.277.054 VND theo theo Tờ trình số 02-TT INBL2022 về việc trích lập quỹ lương và khen thưởng cuối năm 2022 của HĐQT.
- Số lượng lao động định biên không vượt quá 120 người. Số lao động thực tế đến 31 tháng 12 năm 2022 là 106 người, số lao động bình quân 12 tháng là 110 người.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức chính thức.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm chủ yếu là hàng bán hóa và xăng dầu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty mẹ và các Công ty con nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và

- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

+ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

+ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

26. Số liệu so sánh

Chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu, Lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại cho phù hợp với tỷ lệ trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
1	2	3	4	5=4-3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.692	1.659	(33)
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.692	1.659	(33)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	31.362.510.071	11.495.367.423
Tiền gửi ngân hàng	17.924.506.621	16.677.937.739
Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	52.787.016.692	31.673.305.162

Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, cầm cố để đảm bảo vay.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	6.404.000.000	6.404.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	6.404.000.000	6.404.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.404.000.000	6.404.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với số tiền 1.404.000.000 VND được sử dụng để cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh V.20).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	8.499.577.200	(3.790.091.100)	4.709.486.100	8.499.577.200	(2.469.819.600)	6.029.757.600
Công ty CP Sabeco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000
Tổng Công ty CP TM KT & Đầu tư Petec	4.186.371.000	(3.010.200.100)	1.176.170.900	4.186.371.000	(2.372.276.900)	1.814.094.100
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	312.000.000	(162.986.800)	149.013.200	312.000.000	(39.462.700)	272.537.300
Công ty Cổ phần Cà phê Petec	426.000.000	(325.260.000)	100.740.000	426.000.000	(58.080.000)	367.920.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	553.706.200	(291.644.200)	262.062.000	553.706.200	-	553.706.200
Cộng	8.499.577.200	(3.790.091.100)	4.709.486.100	8.499.577.200	(2.469.819.600)	6.029.757.600

(*) Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.469.819.600)	(2.967.140.600)
Trích lập dự phòng	(1.495.350.100)	(463.829.500)
Hoàn nhập dự Phòng	175.078.600	961.150.500
Số cuối năm	(3.790.091.100)	(2.469.819.600)

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Cam kết góp vốn

Tập đoàn không có cam kết góp vốn trong tương lai.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu các khách hàng của nhóm hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	73.336.222.960	61.617.721.420
Phải thu khách hàng Xăng dầu	3.993.008.723	1.696.342.173
Phải thu khách hàng Bách hóa	65.994.690.667	52.355.106.294
Phải thu khách hàng kim khí điện máy	2.445.364.517	1.800.060.755
Các khách hàng khác	903.159.053	5.766.212.198
Cộng	73.336.222.960	61.617.721.420

Phải thu các khách hàng của chi nhánh, cửa hàng

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	73.336.222.960	61.617.721.420
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	10.931.509.323	6.231.564.865
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	17.667.067.925	8.068.559.990
CN Công ty CP TN Cà Mau tại Kiên Giang	7.598.818.107	12.123.219.732
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Tp. Cà Mau	10.418.497.851	6.245.689.869
Cửa hàng Bách hóa Năm Căn	7.259.388.372	5.335.056.525
Các khách hàng khác	19.460.941.382	23.613.630.439
Cộng	73.336.222.960	61.617.721.420

Công ty Mẹ thế chấp toàn bộ các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam- chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh V.20).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	2.050.654.146	-
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng	2.050.654.146	-
Trả trước cho các khách hàng khác	10.790.950.369	13.339.035.580
Công ty TNHH XD - PCCC Oanh Liệt ^(*)	2.435.781.054	-
Công ty CP Sữa Quốc tế - (KG)	1.843.332.334	-
Công ty TNHH MTV XD Đồ Dũng	1.740.000.000	150.000.000
Các khách hàng khác	4.771.836.981	13.189.035.580
Cộng	12.841.604.515	13.339.035.580

(*) Là khoản ứng trước về việc thiết kế trình thẩm duyệt và cung cấp, thi công, lắp đặt hệ thống PCCC tại các cửa hàng, chi nhánh của Công ty.

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	451.175.000	-
Tạm ứng	-	-	451.175.000	-
Lưu Hoàng Thống - PTGD	-	-	451.175.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	15.645.949.512	-	13.129.467.267	-
Ký cược, ký quỹ	5.212.233.240	-	8.513.782.000	-
Tạm ứng	3.291.847.829	-	1.328.832.131	-
- Trần Công Đăng	2.840.681.957	-	976.429.579	-
- Cá nhân khác	451.165.872	-	338.789.552	-
Phải thu các khoản dự thưởng từ nhà cung cấp	6.323.748.452	-	1.457.450.288	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	58.429.479	-	239.523.003	-
Phải thu ngắn hạn khác	759.690.512	-	1.589.879.845	-
Cộng	15.645.949.512	-	13.580.642.267	-

Trong đó:

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Ký quỹ, ký cược

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về ký cược, ký quỹ các bên liên quan	-	-
Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác	5.212.233.240	8.513.782.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN – CN Bạc Liêu	2.046.973.240	29.380.000
Công ty CP HH Vedan Việt Nam	910.000.000	1.820.000.000
Công ty CP Sữa Vinamilk Việt Nam tại Cần Thơ	490.000.000	792.000.000
CN Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A (VN)	369.740.000	740.740.000
CN Công ty CP Acecook VN tại Tp Cần Thơ	350.000.000	700.000.000
Các khách hàng khác	1.045.520.000	4.431.662.000
Cộng	5.212.233.240	8.513.782.000

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vỏ bia, nước giải khát và pallet.

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.054.437.000	-	2.427.805.000	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.672.520.000	-	2.295.180.000	-
Phải thu khác	381.917.000	-	132.625.000	-
Cộng	3.054.437.000	-	2.427.805.000	-

Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

6. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Trà Kha	465.000.000	-	618.000.000	9.151.420
Cửa hàng Bách hoá Hậu Giang	252.000.000	15.000.000	428.000.000	36.500.000
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Hộ Phòng	341.370.000	20.005.000	323.023.000	-
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Năm Căn	256.539.052	-	256.539.052	-
Cửa Hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	466.079.486	-	528.650.431	10.575.646
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Sóc Trăng	256.000.000	-	325.000.000	-
Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	415.689.488	15.247.300	953.003.316	211.148.063
Cộng	2.452.678.026	50.252.300	3.432.215.799	267.375.129

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.164.840.670)	(3.377.381.476)
Trích lập trong năm	-	(435.211.188)
Hoàn nhập dự phòng	762.414.944	647.751.994
Số dư cuối năm	(2.402.425.726)	(3.164.840.670)

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu đang chờ xử lý.

8. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	2.297.322.908	-	3.560.939.655	-
Công cụ, dụng cụ	97.898.657	-	104.298.250	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	217.062.394.929	-	233.081.861.051	-
Cộng	219.457.616.494	-	236.747.098.956	-

Trong đó:

- Công ty không có giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.

- Công ty mẹ thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 76.872.701.807 VND (số đầu năm là 73.981.432.537 VND).

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	449.473.504	354.858.365
Chi phí bảo hiểm tài sản	28.646.929	35.766.819
Chi phí khác	39.574.411	14.722.863
Cộng	517.694.844	405.348.047

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	405.348.047	471.701.237
Tăng trong năm	2.112.772.454	2.876.365.191
Phân bổ trong năm	(2.000.425.657)	(2.942.718.381)
Số cuối năm	517.694.844	405.348.047

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	220.471.168	343.313.723
Tiền thuê đất (*)	6.049.650.557	9.079.783.559
Chi phí sửa chữa	10.928.009.729	3.263.166.853
Tiền thuê nhà	54.545.455	118.181.819
Chi phí khác	458.236.657	473.015.713
Cộng	17.710.913.566	13.277.461.667

(*) Theo các hợp đồng thuê đất, nhà kho:

- Hợp đồng thuê đất của Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Tổng Giám đốc (**), mục đích thuê xây kho cất chứa hàng bách hóa.
 - Hợp đồng thuê đất số 02/HĐKT-2019 ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CP 544465 – CP 544466 – CP 544467 – CP 544468 – CP 544437 – CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
 - + Diện tích: 538,5 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 4.440.000.000 VND
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/12/2068).
 - Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31 tháng 7 năm 2017
 - + Địa chỉ thuê: Dự án khu đô thị thứ Bảy, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
 - + Theo Giấy chứng nhận số CK 507114 – CK 507115 – CK 507116 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp ngày 25 tháng 08 năm 2017.
 - + Diện tích: 567,1 m²
 - + Giá trị hợp đồng: 1.077.490.000 VND.
 - + Thời hạn hợp đồng thuê: 180 tháng (hết hạn ngày 31 tháng 12 năm 2032)
- Và các hợp đồng thuê khác.

(**) Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 567,1 m², giá trị chuyển nhượng 1.077.490.000 VND.
2. Quyền sử dụng đất tại ấp 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 901,87 m², giá trị chuyển nhượng 7.770.000.000 VND.

Các Quyền sử dụng đất trên đã được chuyển quyền sở hữu cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh theo các Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi tiết như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
3. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
4. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
5. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
6. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
7. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507114 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
8. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507115 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m², thời hạn sử dụng lâu dài.
9. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507116 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189,1 m², thời hạn sử dụng lâu dài.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.277.461.667	13.183.879.666
Tăng trong năm	12.586.775.977	3.358.364.327
Phân bổ trong năm	(5.193.324.078)	(3.264.782.326)
Giảm khác (*)	(2.960.000.000)	-
Số cuối năm	17.710.913.566	13.277.461.667

(*) Giảm khác là do Công ty thu hồi khoản ủy quyền đầu tư cho Bà Nguyễn Thị Việt Ánh liên quan đến quyền sử dụng đất số CS 141329 – CS 141330 – CS 141331 – CS 141332 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10 tháng 05 năm 2019 tại dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu theo Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng quản trị.

Công ty thế chấp tất cả Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên do Bà Nguyễn Thị Việt Ánh được Công ty ủy quyền đứng tên để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh mục V.20).

10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số đầu năm	87.186.623.919	33.745.148.190	37.636.139.658	1.645.876.756	402.077.098	160.615.865.621
2. Tăng trong năm	-	-	2.046.537.515	-	-	2.046.537.515
Mua sắm TSCĐ	-	-	2.046.537.515	-	-	2.046.537.515
3. Giảm trong năm	1.649.100.216	1.458.282.659	3.906.248.274	333.881.817	-	7.347.512.966
Giảm do thanh lý	1.649.100.216	1.458.282.659	3.906.248.274	333.881.817	-	7.347.512.966
4. Số cuối năm	85.537.523.703	32.286.865.531	35.776.428.899	1.311.994.939	402.077.098	155.314.890.170
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.035.617.795	21.160.792.894	9.034.773.322	1.311.994.939	357.640.734	44.900.819.684
II. Giá trị hao mòn						
1. Số đầu năm	52.355.081.584	27.886.976.452	24.074.790.302	1.630.176.660	386.736.098	106.333.761.096
2. Tăng trong năm	3.696.785.530	1.422.379.182	2.459.254.892	15.700.096	6.348.000	7.600.467.700
Tăng do khấu hao	3.696.785.530	1.422.379.182	2.459.254.892	15.700.096	6.348.000	7.600.467.700
3. Giảm trong năm	1.649.100.216	1.458.282.659	3.204.340.388	333.881.817	-	6.645.605.080
Giảm do thanh lý	1.649.100.216	1.458.282.659	3.204.340.388	333.881.817	-	6.645.605.080
4. Số cuối năm	54.402.766.898	27.851.072.975	23.329.704.806	1.311.994.939	393.084.098	107.288.623.716
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	34.831.542.335	5.858.171.738	13.561.349.356	15.700.096	15.341.000	54.282.104.525
2. Tại ngày cuối năm	31.134.756.805	4.435.792.556	12.446.724.093	-	8.993.000	48.026.266.454
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 179.444.438 VND (Xem thuyết minh số V.20).
- Tập đoàn có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2022 Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty CP In Bạc Liêu ngày 18/6/2022 thông qua kế hoạch đầu tư, mua sắm, thanh lý máy móc:

+ Kế hoạch mua 01 máy in Offset 4 màu 4/4 màu: Máy in 4/4 màu hiệu: AKIYAMA, (Khổ 575 x 820mm), năm sản xuất: 2004 (Máy đã qua sử dụng), nước sản xuất: Nhật Bản, đơn giá dự kiến: 4.860.000.000 VND bao gồm 8% thuế GTGT (đã bao gồm phí vận chuyển và lắp đặt).

+ Thanh lý máy móc không còn sử dụng:

STT	Ngày mua	Loại máy	Nước sản xuất	Giá trị mua	Giá trị sử dụng còn lại
1	31/3/2003	Máy in Offset 01 màu Komory L37S	Nhật	366.619.962	0%
2	31/01/2004	Máy in Offset 01 màu Komory Excell	Nhật	421.293.502	20%
3	26/10/2005	Máy hiện bản CB 880	Trung Quốc	105.761.905	0%
4	25/06/2006	Máy vô bia	Nhật	208.000.000	20%
5	18/09/2006	Máy nung bản kẽm KL 1150 PS	Trung Quốc	64.000.000	0%
6	17/04/2007	Máy bắt tay sách (12 tay)	Đài Loan	220.952.381	30%
7	19/08/2011	Máy ghép màng nhiệt không keo	Việt Nam	305.000.000	30%
8	07/04/2007	Máy in Offset 04 màu KOMORY L440*	Nhật	3.558.171.457	35%

+ Kế hoạch mua 01 máy in Offset 01 màu: Máy in 1 màu hiệu: KOMORI SII-226, (Khổ 480x660mm), năm sản xuất: 2003 (Máy đã qua sử dụng), nước sản xuất: Nhật Bản, đơn giá dự kiến: 495.000.000 VND, bao gồm 10% thuế GTGT (đã bao gồm phí vận chuyển và lắp đặt).

+ Thanh lý máy móc không còn sử dụng: Máy in Offset 1 màu, hiệu Komori Excell, nguyên giá: 272.126.091 VND, đã khấu hao hết, giá trị dự kiến thanh lý là: 34.980.000 đồng, đã bao gồm 10% thuế GTGT.

11. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	849.221.480	849.221.480
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	873.618.067	849.221.480	1.722.839.547
2. Tăng trong năm	83.494.872	-	83.494.872
<i>Tăng do khấu hao</i>	83.494.872	-	83.494.872
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	957.112.939	849.221.480	1.806.334.419
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	35.426.127.116	-	35.426.127.116
2. Tại ngày cuối năm	35.342.632.244	-	35.342.632.244
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Trong đó:

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 17.922.438.052 VND.
- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi tiêu	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Nhà kho Năm Căn	1.094.957.400	-	-	1.094.957.400
Mua sắm TSCĐ	-	379.629.629	(379.629.629)	-
Cộng	1.094.957.400	379.629.629	(379.629.629)	1.094.957.400

Trong đó:

- Công ty không có chi phí xây dựng dở dang dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay.
- Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí XD cơ bản dở dang trong năm với số tiền 0 VND.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	15.488.939.995	21.444.025.410
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Công ty mẹ	-	21.444.025.410
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Chi nhánh Cà Mau (Công ty mẹ)	15.488.939.995	-
Phải trả nhà cung cấp khác	59.846.519.601	62.369.117.492
Công ty TNHH Totalgas Việt Nam	8.821.545.544	7.916.308.574
CN Công ty CP Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	7.208.769.409	6.417.243.426
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	7.094.701.694	5.599.464.913
Các khách hàng khác	36.721.502.954	42.436.100.579
Cộng	75.335.459.596	83.813.142.902

Tập đoàn không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước các bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác	333.522.795	123.081.585
Công ty CP BV Đa khoa Hoàn Mỹ Minh Hải	71.200.000	-
Lương Thanh Thuận	79.400.000	-
Công ty CP Thủy sản Cà Mau	50.000.000	-
Các khách hàng khác	132.922.795	123.081.585
Cộng	333.522.795	123.081.585

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	645.161.858	14.810.882.361	(13.083.129.820)	-	2.372.914.399
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.483.456.479	7.502.905.566	(7.753.058.854)	61.957.178	1.244.862.209
Thuế thu nhập cá nhân	16.762.877	30.576.635	1.251.714.705	(1.269.004.161)	15.396.684	11.920.986
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	12.959.248	-	966.881.385	(953.922.137)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	583.267.324	(583.267.324)	-	-
Cộng	29.722.125	2.159.194.972	25.115.651.341	(23.642.382.296)	77.353.862	3.629.697.594

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

16. Phải trả người lao động

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	12.214.225.277	12.807.621.006
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	12.214.225.277	12.807.621.006

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.535.205.168</i>	<i>3.429.735.300</i>
Chi phí lãi vay phải trả	162.036.618	102.850.287
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.373.168.550	3.326.885.013
Cộng	3.535.205.168	3.429.735.300

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>706.156.400</i>	<i>715.687.045</i>
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	706.156.400	715.687.045
Cộng	706.156.400	715.687.045

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

19. Phải trả ngắn hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>3.955.145.749</i>	<i>3.508.618.781</i>
Phải trả về cổ phần hoá	216.502.269	216.502.269
Tài sản thừa chờ giải quyết	155.708.980	110.685.691
Kinh phí công đoàn	155.922.624	148.814.176
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.116.674.795	2.020.246.945
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.310.337.081	1.012.369.700
Cộng	3.955.145.749	3.508.618.781

19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>450.000.000</i>	<i>450.000.000</i>
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	450.000.000
Cộng	450.000.000	450.000.000

19c. Nợ quá hạn thanh toán

Tập đoàn không có nợ quá hạn thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	134.495.671.982	134.495.671.982	112.241.649.658	112.241.649.658
Vay ngắn hạn ngân hàng	134.495.671.982	134.495.671.982	112.241.649.658	112.241.649.658
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau ⁽¹⁾	76.355.487.705	76.355.487.705	76.274.815.836	76.274.815.836
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau ⁽²⁾	58.140.184.277	58.140.184.277	35.966.833.822	35.966.833.822
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Cộng	134.495.671.982	134.495.671.982	112.241.649.658	112.241.649.658

⁽¹⁾ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số 148/2022/HĐCV-CMA-QLN ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Giới hạn cấp tín dụng: 150.000.000.000 VND
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương án sử dụng vốn vay nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định.
- Phương thức cho vay: cho vay theo hạn mức
- Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ
- Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 2 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay/ từng lần nhận nợ
- Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng
- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V.8, V.9, V.10, V.11 và VIII.7):

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008 cho Công ty, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m² theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện

Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009 cho Công ty, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m² theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 cho Công ty (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010 cho Công ty, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m² theo HĐTC số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

+ Hàng hóa luân chuyển theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 87-2020/HĐTC-CMA-QLN ngày 16 tháng 3 năm 2020, cụ thể hàng hóa lưu tại các kho: Kho thuốc lá Bạc Liêu, Kho thuốc lá Cà Mau, Kho chi nhánh Kiên Giang, Kho Bách hóa An Minh, Kho Công nghệ thực phẩm Hộ Phòng, Kho Công nghệ thực phẩm Ngã Năm (3 kho).

+ Theo Hợp đồng thế chấp số 54-2019/HĐ-CMA-QLN ngày 16 tháng 4 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TGD đứng tên sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460331 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 11, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 460332 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 12, dự án lấn biển xây dựng đô thị mới thị xã Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466641 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 13, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466642 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 14, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466643 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 15, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 125 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AB 466644 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19 tháng 05 năm 2005 (đăng ký thay đổi ngày 19 tháng 02 năm 2019), địa chỉ: Lô H14 – 16, đường Lê Hồng Phong, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá – Kiên Giang, diện tích 155,5 m².

⁽²⁾ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cho vay hạn mức số: 86005000.001/2022-HĐCVHM/NHCT860-CTYTHUONGNGHIEP ngày 15 tháng 6 năm 2022 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau.

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND

- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh
- Thời hạn duy trì hạn mức là kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2022 đến ngày 14 tháng 6 năm 2023.
- Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 2 tháng.
- Lãi suất theo từng giấy nhận nợ
- Biện pháp đảm bảo (xem thuyết minh mục V.2a, V.3, V.8, V.9, V.10, V.11 và VIII.7):
 - + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.001/2019/HĐBĐ/NHCT860 ngày 10 tháng 5 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số X242685 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 02/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 31, địa chỉ phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 103,3 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110041271 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 23/02/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 24, tờ bản đồ số 31, địa chỉ: 82/4, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 300 m² và quyền sở hữu nhà ở 102,24m².
 - + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.014/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 22 tháng 10 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất do Công ty đứng tên sau:
 - Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở số X046240 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 24/05/2004, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 285, tờ bản đồ số 03, địa chỉ: đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 160 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và sử dụng đất đất ở số 9110040735 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 10/04/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 365, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: 44/6, đường Trần Phú, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích đất ở 179,34 m² và quyền sở hữu nhà ở 180,91m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T959935 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp 18/09/2001, Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất - Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu chính lý ngày 04 tháng 03 năm 2019, thửa đất số 99-1 và 99-2, tờ bản đồ số 22, địa chỉ 407 đường 23/8, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 1.600 m² (đất ở 300 m² và đất lập vườn 1.300 m²).
 - + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.002/2019/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TGD đứng tên sau:
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 187, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019,

- thửa đất số 188, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m²
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 189, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 190, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019, thửa đất số 191, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m² theo HĐTC số 86005000.002/2019/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 27 tháng 6 năm 2019.
- + Theo Hợp đồng thế chấp số 86005000.006/2020/ HĐBĐ/NHCT860 ngày 26 tháng 6 năm 2020: thế chấp các quyền sử dụng đất do Công ty uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị Việt Ánh – TGD đứng tên sau:
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019278 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 183, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019279 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 184, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019280 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 185, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
 - Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 019281 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08 tháng 08 năm 2019, thửa đất số 182, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m².
- + Toàn bộ quyền đòi nợ luân chuyển của Bên thế chấp đối với các bên thứ 3 có nghĩa vụ thanh toán với bên thế chấp phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 86005000.011/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020.
- + Hàng hóa thế chấp là Hàng tồn kho theo Hợp đồng thế chấp hàng hóa số 86005000.012/2020/HĐBĐ/NHCT860 ngày 23 tháng 9 năm 2020, cụ thể hàng tồn kho tại các kho: Kho Bách hóa Nguyễn Du, Kho Bách hóa Phường 2 (CH), Kho Bách hóa Phường 3 (CH), Kho Bách hóa Phường 8 (CH), Kho Điện máy Cà Mau 1 (lẻ), Kho Nông ngư cơ Cà Mau, Kho thực phẩm Cà Mau (CH), Kho xăng dầu Cái Nai, Kho xăng dầu phường 4 (CH), Tổng kho Định Bình.
- + Hợp đồng cầm cố hợp đồng tiền gửi số 86005000.003/2022/HĐBĐ/NHCT860 ngày 31/03/2022 trị giá 1.404.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Số đầu năm	Số tiền phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	112.241.649.658	2.074.245.947.127	(2.051.991.924.803)	134.495.671.982
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Cà Mau	76.274.815.836	1.493.021.816.150	(1.492.941.144.281)	76.355.487.705
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau	35.966.833.822	581.224.130.977	(559.050.780.522)	58.140.184.277
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	-	-	-
Cộng	112.241.649.658	2.074.245.947.127	(2.051.991.924.803)	134.495.671.982

20b. Vay quá hạn

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận ^(*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.509.297.834	1.124.010.973	(967.930.387)	1.665.378.420
Quỹ phúc lợi	795.542.349	1.465.466.014	(413.776.990)	1.847.231.373
Quỹ thưởng Ban Điều hành	138.404.276	61.173.335	(199.577.611)	-
Cộng	2.443.244.459	2.650.650.322	1.581.284.988	3.512.609.793

^(*) Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

Chi tiết	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	944.195.062	55.804.938	1.124.010.973
Quỹ phúc lợi	1.285.650.103	55.804.938	1.465.466.014
Quỹ thưởng Ban Điều hành	61.173.335	-	61.173.335
Cộng	2.229.845.165	111.609.876	2.650.650.322

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	30.217.312.764	34.777.187.287	8.380.366.637	197.801.776.688
Tăng trong năm trước	60.519.560.000	-	-	710.881.011	27.595.776.119	940.775.781	89.766.992.911
Giảm trong năm trước	-	(171.162.255)	-	-	(34.872.648.838)	(1.363.548.576)	(36.407.359.669)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	30.928.193.775	27.500.314.568	7.957.593.842	251.161.409.930
Tăng trong năm	-	-	-	34.103.017	23.417.696.822	558.049.379	24.009.849.218
Giảm trong năm	-	-	-	-	(24.360.185.064)	(335.879.875)	(24.696.064.939)
Số dư cuối năm	181.558.680.000	1.578.837.745	1.637.790.000	30.962.296.792	26.557.826.326	8.179.763.346	250.475.194.209

22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và DV Long Hưng	51,00%	92.594.940.000	51,00%	92.594.940.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	16,17%	29.360.240.000	24,26%	29.360.240.000
Cổ đông khác	32,83%	59.603.500.000	24,74%	59.603.500.000
Cộng	100,00%	181.558.680.000	100,00%	181.558.680.000

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	181.558.680.000	121.039.120.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	60.519.560.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	181.558.680.000	181.558.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.787.041.600	14.524.694.400

22d. Cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.155.868	18.155.868
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	18.155.868
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.155.868	15.187.922
Cổ phiếu phổ thông	18.155.868	15.187.922
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22e. Cổ tức

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm.

Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên, tỷ lệ chia cổ tức năm 2021 là 12%, tương đương 21.787.041.600 VND (tỷ lệ chia cổ tức năm trước là 8%, tương đương 14.524.694.400 VND) và tỷ lệ chia cổ tức kế hoạch của năm 2022 là 10%.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	(21.914.883.750)	(33.711.152.370)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	(21.914.883.750)	(33.711.152.370)
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

22f. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm	27.500.314.568
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.417.696.822
Phân phối trong năm:	(24.360.185.064)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.477.867.111)
- Quỹ thương HDQT	(61.173.335)
- Quỹ đầu tư phát triển	(34.103.018)
- Chia cổ tức năm 2021	(21.787.041.600)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	26.557.826.326

22g. Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	7.957.593.842	8.380.366.637
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	558.049.379	940.775.781
Giảm do chia cổ tức, trích quỹ	(335.879.875)	(1.363.548.576)
Số cuối năm	8.179.763.346	7.957.593.842

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	VND	Gốc ngoại tệ	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	-	13.988.352.328	-	14.064.677.328
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng bách hóa	3.198.507.374.666	2.805.241.204.284
Doanh thu bán xăng dầu	966.146.718.290	764.305.866.529
Doanh thu khác	359.842.365.381	292.075.392.219
Cộng	4.524.496.458.337	3.861.622.463.032

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	14.772.039	115.390.909
Cộng	14.772.039	115.390.909

3. Giá vốn bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán hàng bách hóa	3.091.731.829.542	2.717.832.125.101
Giá vốn hàng bán xăng dầu	941.390.396.789	723.637.949.356
Giá vốn khác	331.729.361.401	268.184.366.646
Cộng	4.364.851.587.732	3.709.654.441.103

4. Doanh thu hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	2.348.089.629	3.306.048.382
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	666.066.756	1.544.124.663
Lãi bán hàng trả chậm	237.407.771	330.451.649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.000.000	30.384.000
Doanh thu tài chính khác	5.902.403	-
Cộng	3.317.466.559	5.211.008.694

5. Chi phí hoạt động tài chính

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	8.162.961.035	9.680.362.314
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	1.320.271.500	(497.321.000)
Chi phí tài chính khác	366.932.392	293.780.700
Cộng	9.850.164.927	9.476.822.014

6. Chi phí bán hàng

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	83.073.633.623	77.891.168.276
Chi phí vật liệu, bao bì	355.516.087	771.462.776
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.771.237.377	1.567.020.261
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.059.306.974	6.334.974.703
Chi phí mua ngoài	28.018.318.710	20.239.290.441
Chi phí khác bằng tiền	8.160.677.891	6.427.599.650
Cộng	127.438.690.662	113.231.516.107

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	14.057.640.842	14.615.234.123
Chi phí vật liệu quản lý	214.909.468	368.163.446
Chi phí khấu hao TSCĐ	116.940.780	139.380.268
Thuế, phí, lệ phí	1.908.493.990	1.850.965.831
Chi phí dự phòng	(756.957.777)	(212.540.806)
Chi phí mua ngoài	2.807.637.762	1.963.603.635
Chi phí khác bằng tiền	5.490.327.321	2.927.369.897
Cộng	23.838.992.386	21.652.176.394

8. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thưởng, hỗ trợ	28.965.139.264	22.742.251.140
Tbu từ thanh lý tài sản	1.009.090.908	65.000.000
Thu từ các khoản nợ đã xóa	76.325.000	98.500.000
Thu nhập khác	62.955.501	490.980.708
Cộng	30.113.510.673	23.396.731.848

9. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Truy thu thuế TNCN, GTGT	-	36.634.946
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp về thuế	454.331.372	130.619.945
Chi phí khác	244.684	100.086.031
Cộng	454.576.056	267.340.922

10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	31.478.651.767	35.832.516.125
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>4.954.618.688</i>	<i>891.716.000</i>
Chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	564.175.335	333.716.000
CP thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	562.500.000	558.000.000
Chi phí lãi vay loại trừ theo NB 132/2020/NĐ-CP	3.827.943.353	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(60.000.000)</i>	<i>(50.334.909)</i>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(60.000.000)	(30.384.000)
Điều chỉnh giảm khác	-	(19.950.909)
Thu nhập chịu thuế	36.373.270.455	36.673.897.216
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.274.654.092	7.334.779.444
Giảm 30% thuế TNDN		(170.702.792)
Chi phí thuế TNDN truy thu Công ty con (*)	227.798.845	131.887.574
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.502.905.566	7.295.964.225

(*) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn số 19/QĐ-CTCCMA ngày 19 tháng 01 năm 2023, ký kiểm tra năm 2020 đến thời điểm giải thể (ngày 05 tháng 12 năm 2022) của Công ty TNHH MTV Bạch Việt và các quyết định khác.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	106.098.382.619	101.855.528.314
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.921.874.711	8.927.100.697
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.683.962.572	8.127.712.451
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.020.125.410	42.035.715.724
Chi phí khác bằng tiền	13.697.545.248	9.591.847.021
Cộng	205.421.890.560	170.537.904.207

12. Lãi trên cổ phiếu

12a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23.417.696.822	27.595.776.119
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)</i>	<i>(1.986.952.062)</i>	<i>(2.341.455.041)</i>
<i>Trích quỹ thưởng HĐQT</i>		<i>(61.173.335)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.430.744.760	25.193.147.743
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.155.868	15.187.922
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.180	1.659

(*) Tập đoàn tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 8,48%, căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022. Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.155.868	12.103.912
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	3.084.010
...	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	18.155.868	15.187.922

12b. **Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.430.744.760	25.193.147.743
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
...	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.430.744.760	25.193.147.743
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.155.868	15.187.922
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.180	1.659

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	18.155.868	15.187.922
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm:	-	-
...	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.155.868	15.187.922

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	2.640.000.000	3.628.636.364
Trên 1 năm đến 5 năm	2.477.272.727	4.838.181.818
Trên 5 năm	-	-
Cộng	5.117.272.727	8.466.818.182

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 0 VND (năm trước là 0 VND).

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b.

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu Hoàng Thống – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	-	201.120.000
- Hoàn ứng	(451.175.000)	(847.904.000)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.166.067.496	2.542.336.118
Thù lao	648.000.000	636.000.000
Tiền thưởng	199.577.611	107.000.000
Cổ tức	1.097.785.000	2.011.619.800
Khác	-	-
Cộng	4.111.430.107	5.296.955.918

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Năm nay						
Hội đồng quản trị		1.516.478.175	504.000.000	162.577.611	929.237.800	3.112.293.586
Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	28.000.000	-	112.000.000
Nguyễn Thị Việt Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	996.504.186	96.000.000	21.577.611	784.292.800	1.898.374.597
Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-	82.000.000
Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-	82.000.000
Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	25.000.000	-	55.000.000
Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT kiêm PTGD	519.973.989	84.000.000	22.000.000	144.945.000	770.918.989
Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	22.000.000	-	82.000.000
Nguyễn Văn Cảnh	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	-	30.000.000
<i>Ban Kiểm soát</i>			144.000.000	37.000.000	132.000.000	313.000.000
Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	48.000.000	15.000.000	-	63.000.000
Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	60.000.000	11.000.000	132.000.000	203.000.000
Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000	11.000.000	-	47.000.000
<i>Ban Điều hành</i>		649.589.321	-	-	36.547.200	686.136.521
Trần Thị Trúc Linh	Phó Tổng Giám đốc	513.724.059	-	-	36.547.200	550.271.259
Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	81.448.364	-	-	-	81.448.364
Nguyễn Thị Thủy Ái	Kế toán trưởng	54.416.898	-	-	-	54.416.898
Cộng		2.166.067.496	648.000.000	199.577.611	1.097.785.000	4.111.430.107

Năm trước	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng	Cổ tức	Cộng
Hội đồng quản trị		2.003.689.414	504.000.000	72.000.000	1.709.045.200	4.288.734.614
Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch HĐQT	-	84.000.000	18.000.000	-	102.000.000
Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.395.188.257	96.000.000	12.000.000	1.362.679.700	2.865.867.957
Nguyễn Thị Hiền	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	12.000.000	-	72.000.000
Lê Xuân Trinh	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	3.237.000	33.237.000
Dương Xuân Phát	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	12.000.000	-	72.000.000
Phù Chí Anh	Thành viên HĐQT kiêm PTGD, kiêm KTT	608.501.157	84.000.000	12.000.000	343.128.500	1.047.629.657
Nguyễn Văn Khánh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	6.000.000	-	66.000.000
Hoàng Anh Dũng	Thành viên HĐQT	-	30.000.000	-	-	30.000.000
Ban Kiểm soát		-	132.000.000	23.000.000	202.410.500	357.410.500
Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	48.000.000	9.000.000	-	57.000.000
Trần Chí Hiếu	Thành viên BKS	-	48.000.000	7.000.000	202.410.500	257.410.500
Ngô Thế Anh	Thành viên BKS	-	36.000.000	7.000.000	-	43.000.000
Ban Điều hành		538.646.704	-	12.000.000	100.164.100	650.810.804
Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	-	-	-	-	-
Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	538.646.704	-	12.000.000	100.164.100	650.810.804
Cộng		2.542.336.118	636.000.000	107.000.000	2.011.619.800	5.296.955.918

Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau
Số 70-72 Đề Thám - phường 2 - Thành phố Cà Mau- Tỉnh Cà Mau
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Ban thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt
- Và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Công ty mẹ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	764.154.161.270	386.537.399.016
Trả tiền mua hàng	(772.159.900.831)	(430.805.506.981)

Cam kết bảo lãnh

Tập đoàn không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các bên liên quan khác và các bên liên quan khác cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

5. Chi phí vốn hoá

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh chi phí lãi vay vốn hoá.

6. Báo cáo theo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau

6a. Theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động xăng dầu	Hoạt động bách hóa	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	966.146.718.290	3.198.507.374.666	359.827.593.342	4.524.481.686.298
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	941.390.396.789	3.091.731.829.542	331.729.361.401	4.364.851.587.732
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.756.321.501	106.775.545.124	28.098.231.941	159.630.098.566
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	764.305.866.529	2.805.241.204.284	291.960.001.310	3.861.507.072.123
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	723.637.949.356	2.717.832.125.101	268.184.366.646	3.709.654.441.103
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.667.917.173	87.409.079.183	23.775.634.664	151.852.631.020

6b. Theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Tập đoàn toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

7. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Tập đoàn cầm cố số tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 1.404.000.000 VND để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.2a, V.20).
- Tập đoàn thế chấp khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh mục V.3, V.20).
- Tập đoàn thế chấp Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.11 và V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 17.922.438.052 VND (số đầu năm là 17.933.229.916 VND).
- Tập đoàn thế chấp một số hàng tồn kho để đảm bảo khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.8, V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 76.872.701.807 VND (số đầu năm là 73.981.432.537 VND).
- Tập đoàn thế chấp tài sản cố định hữu hình là căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m², diện tích sàn 362,7 m², nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 để đảm bảo cho khoản của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.10, V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 179.444.438 VND (số đầu năm là 242.777.774 VND).

- Bà Nguyễn Thị Việt Ánh – Thành viên HĐQT dùng quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của mình (Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018) để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.9, V.20).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

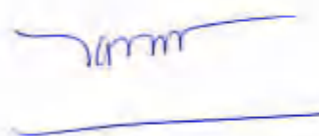

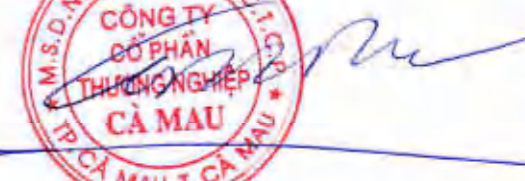
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

- Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 7 năm 2020 thống nhất thông qua chủ trương thoái vốn đầu tư của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại công ty con là Công ty CP In Bạc Liêu. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.
- Doanh thu của Công ty CP In Bạc Liêu chủ yếu từ hoạt động in vé số cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu. Tuy nhiên, năm 2023 Công ty không trúng gói thầu cung cấp vé số (giấy in, công in) thuộc dự toán in xổ số kiến thiết truyền thống Bạc Liêu 2023 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu với giá trị gói thầu 42.042.000.000 VND.
- Công ty đang tiến hành thủ tục sáp nhập theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc sáp nhập công ty TNHH Bách Việt – Công ty con vào Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau – Công ty mẹ. Và Công ty đang trong quá trình thực hiện.

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2023.

Người lập biểu Kế toán trưởng Tổng Giám đốc

QUÁCH DUY TÂM NGUYỄN THÚY ÁI NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

TP. Cà Mau, ngày 10 tháng 04 năm 2023

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH